

THÀNH - KINH BẢO

NĂM THỨ 5

JUILLET 1935

SỐ 53

TÒA SOẠN BÁO :

Số 1, Phố Nguyễn-Trãi
Hà-nội, Bắc-kỳ

THƠ VÀ TIỀN-BẠC

Xin gửi cho Mục-sư W. C. Cadman
Quản-lý Thánh-Kinh Bảo
Hà-nội, Bắc-kỳ

LỆ MUA BÁO :

Một năm (12 số) giá 1p.00
Mỗi số 0p.15
Mua báo xin trả tiền trước

BA ÔNG DẪN CHÚNG TÔI ĐI ĐÂU ?

BÂY giờ khắp thế-giới phong-trào cải-cách lan rộng, hồng thay-dổi mọi cách sanh-hoạt của loài người. Không cứ đi đâu chúng ta cũng thấy gia-đình, xã-hội và quốc-gia biến-cải nhiều lắm. Người ta muốn nhờ sự cải-cách mà trừ bớt những nỗi tệ-hại, cùng-khổ về phần vật-chất và tinh-thần, ngõ hầu cuộc sanh-sống của nhân-loại ngày thêm tốt-đẹp, sung-sướng. Nhất là ở Á-châu, sự cải-cách lại càng rõ-rệt. Gây nên những cuộc cải-cách ở Á-châu đó, chính là năng-lực và ảnh-hưởng do ba bậc lãnh-tụ trừ-danh. Đứng đầu hàng luân-lý và trí-thức, mỗi bậc ấy đã tuyên-bổ rằng mình nhờ bài Đức Chúa Jê-sus giảng trên núi (Ma 5 :-7 :) mà nảy ra những phương-pháp hành-động rất hiệu-nghiệm.

Cải-cách xã-hội? - Chưa đủ!

NHÀ đại-cải-cách ở Ấn-độ là ông Mahatma Gandhi. Ông ở nước Anh lâu năm nên thâm-thái được tinh-hoa của nền văn-minh nước ấy. Khi trở về tổ-quốc, ông bèn mạnh-bạo cải-cách tôn-giáo, phong-tục và sự mê-tin. Ông tuyên-bổ rằng mình nhờ bài Đức Chúa Jê-sus giảng trên núi mà tìm được một phương-pháp rất hay, là nhện-nhục đề-đắc-thắng. Một môn-dệ ông bày-tỏ mục-đích của ông rằng: «Chúng tôi dùng khối óc mới-mẻ mà xem-xét sự tin-ngưỡng vốn có từ xưa... Phải khai-phá rừng-độc và tìm phương bài-trừ các bịnh-tật nguy-hiểm... Hiện nay chúng tôi phải cải-cách những nguyên-tắc cốt-yếu của đạo Bà-la-môn, chớ không cần nhắm mắt phục theo. Phải tạo nên một xã-hội tân-thời, một xã-hội hoạt-động và hoàn-bị hơn... Thắp một ngọn đèn cây (nến) trong bóng tối tức là chung công góp sức để làm cho cả bầu trời sáng rực.» Nhưng Gandhi sẽ thành-công chăng? Không, nếu ông chưa đem «ngọn đèn cây» đặt nơi chơn Đức Chúa Jê-sus, là sự sáng-độc-nhứt của thế-gian.

Theo văn-hóa mới? - Chưa đủ!

NHÀ đại-cải-cách thứ hai là bác-sĩ Hồ-Thích ở bên Tàu. Ông tông học các trường cao-đẳng lớn bên Mỹ, và tìm được những chơn-lý có thể cứu-hộ và cải-tạo nước Tàu. Cũng như Gandhi khi ở nước Anh, Hồ-Thích hầu đã tin theo Đấng Christ khi ở bên Mỹ, và cũng khen-trọng bài giảng trên núi. Ngày nào ông cũng đọc Kinh-Thánh. Trở về quê cha đất tổ từ năm 1907, ông cứ quả-quyết nên trừ-bỏ những sự mê-tin và phong-tục cũ-rích. Theo ý ông thì chỉ có khoa-học Âu-lây, triết-học và chủ-nghĩa bình-dân là thuốc trừ-độc

những mối tệ-hại của nước Tàu. Ông coi tôn-giáo như thuốc làm quên đau-đớn, và dạy rằng chỉ khoa-học và triết-học có thể chiến-thắng những kẻ thù chí-tử của nước Tàu, tức là nghèo-nàn, bệnh-tật, ngu-dốt, hư-hoại và rối-loạn. Nhưng nhà lãnh-tụ được quốc-dân hâm-mộ, là Bác-sĩ Hồ-Thích đó, sẽ đưa nước Tàu đi đâu? Ông sẽ thành-công chăng? Không, nếu ông chưa công-nhận và rao-truyền Đức Chúa Jê-sus, là Đấng đã phán rằng: «Nếu các người hằng ở trong đạo Ta,... các người sẽ biết lẽ thật, và lẽ thật sẽ buông-thả các người» (Gi. 8 : 31, 32).

Nhận tình-thần của Tin-Lành?—Cũng chưa đủ!

CŨNG như *Gandhi* ở Ấn-độ, *Togohiko Kagawa* giúp-đỡ phái nghèo bèn Nhứt-bồn, mặc dầu thân-phụ ông thuộc về qui-phái và đã từng làm thơ-ký viện cơ-mật của Nhứt-hoàng. Ông chịu phép báp-têm năm 15 tuổi, rồi học trường cao-đẳng của hội truyền-giáo ở Đông-kinh, và sau tông học bèn Mỹ. Ông đã viết hơn 40 quyển sách và tiểu-thuyết tôn-giáo, rất được công-chúng hoan-nghinh. Ông lập nhiều hội ái-hữu lao-động, cốt để anh em nghèo-khó yêu-thương, giúp-đỡ lẫn nhau. Sự-nghiệp vẻ-vang ấy đã khiến tên-tuổi ông lẫy-lừng bèn Nhứt-bồn.

Kagawa là một nhơn-vật lạ-kỳ, cứ bề ngoài mà xét thì ông không thể làm một nhà cải-cách xã-hội Nhứt-bồn có ảnh-hưởng sâu-xa như thế. Ông có bệnh đau mắt hột, lao phổi, tim yếu, tai điếc và lưng còng. Ông tin chắc-chắn rằng nước Nhứt được cứu không phải bởi sự cải-cách các tôn-giáo hiện có hoặc bởi bươn theo phong-trào trên thế-giới, nhưng chính là bởi Đấng Christ và Tin-Lành của Ngài mà thôi. Nhờ Đấng Christ, Đức Chúa Trời bày-tỏ sự yêu-thương, còn Tin-Lành của Ngài lấy sự yêu-thương làm động-lực. Ông nhận-biết rằng nếu không có sự yêu-thương thì xã-hội không thể tấn-bộ hoặc tồn-tại được. Vậy, ông đã mạnh-bạo lập hội «*Trước-Đế-Quốc*» ở Nhứt-bồn, có mục-dịch dắt-đem một triệu linh-hồn đến cùng Đấng Christ. *Kagawa* sẽ thành-công chăng? Có, nhưng tùy theo lòng trung-tin của ông đối với lời Đấng Christ dạy rằng: «Trước hết hãy tìm-kiếm nước Đức Chúa Trời và sự công-bình của Ngài, thì Ngài sẽ cho thêm các người mọi điều ấy nữa» (Ma 6: 33).

Nhưng Đấng Christ là phương giải-cứu

NHÀ văn-sĩ được nhiều người hoan-nghinh như thế-giới ngày nay có lẽ là *H. G. Wells* ở nước Anh. Dầu ông không tỏ-trưng xưng mình là môn-đồ Đấng Christ, nhưng khi người ta hỏi ông có muốn sửa-đổi danh-sách sáu bậc vĩ-nhơn liệt bậc trong lịch-sử do ông đã kê-chăng, thì ông đáp: «Jê-sus ở Na-xa-rét vẫn đứng đầu danh-sách ấy; một mình Ngài để lại dấu-tích sâu-xa lâu-đài nhất trên thế-giới. Ngài là nhơn-vật quan-trọng nhất lịch-sử.» Phải, Đức Chúa Jê-sus là nhà đại-cải-cách cuộc đời mà thế-gian từng biết. Ngài như mặt trời chói-lọi giữa trưa; so-sánh với Ngài thì *Gandhi*, Hồ-Thích và *Kagawa* chỉ như mấy ngôi sao lấp-lánh lúc đêm khuya tịch-mịch. Ngài chẳng cải-cách xã-hội, nhưng cải-cách chính lòng người; chẳng dùng văn-hóa trần-gian, nhưng có cả quyền-phép thiên-thượng; chẳng những bày-tỏ tình-thần yêu-thương, nhưng ban cho chính mình Ngài. Bởi Tin-Lành, là «quyền-phiếp của Đức Chúa Trời để cứu mọi kẻ tin,» Ngài có thể đổi hẳn tâm-hồn, chỉ-hướng và tánh-tình của mọi kẻ theo Ngài. Nguyên Đức Chúa Trời khiến cho hơn 20 triệu linh-hồn ở cõi Đông-dương này tiếp-nhận Đấng Christ làm Cứu-Chúa, ngõ hầu sẽ có muôn vạn người trông-đợi hoan-nghinh Ngài từ trời trở lại để lập nước hòa-bình, nhơn-ái!—*T. K. B.*



BỆNH TỘI-LỖI

MỤC-SƯ LÊ-VĂN-TRẦM, CAO-LÃNH, NAM-KY

Huyết của Đức Chúa Jêsus, Con Ngài, làm sạch mọi tội chúng ta

(I Giăng 1 : 7)

CÔI dời vật-chất càng mở-mang, khoa-học càng tiến-hóa bao nhiêu, thì bệnh tội-lỗi càng bành-trướng, hoạt-động, và thâm-nhập vào trong tâm-hồn của nhơn-loại bấy nhiêu. Than ôi! Người sanh ra trong cõi đời này không chỉ khổ bằng mang bệnh-tật, không gì nguy-hiểm cho bằng gánh tội-lỗi. Dầu vậy mà trong toàn-cả dân-số trên quả địa-cầu này, nào mấy ai thoát khỏi được?

Trải qua biết bao thời-kỳ khô-nhọc, các bậc y-sĩ danh-nhơn đã cặm-cui chuyên tìm nhiều phương linh-được để cứu-cấp bệnh-nhơn trong đời. Song đến cái bệnh tội-lỗi của nhơn-loại, thì vị nào cũng phải cúi đầu mà thú-nhận rằng mình vô-phương cứu-trợ. Như thế chắc qui độc-giả biết rõ bệnh tội-lỗi thật là hiềm-nghèo hơn bệnh xác-thịt muôn phần. Vậy thì chúng ta chỉ còn trông-cậy vào một Lương-y siêu-phàm, toàn-tài, độc-nhứt, thì mới mong cứu mình thoát khỏi thứ bệnh tội-lỗi ấy được. Đấng đó là ai? Là Đức Chúa Jêsus-Christ.

I. Gốc của bệnh tội-lỗi.—Lúc ban đầu Đức Chúa Trời mới dựng nên thi-tô của loài người, thì ông bà vốn là

lỗi-đẹp, vinh-hiền và mạnh-khỏe cả phần xác phần hồn. Thi-tô chúng ta an-hưởng thanh-nhân trong cảnh vườn rất xinh-đẹp, thở hút không-khí rất điều-hòa, thanh-sạch; thật là cảnh vui gió mát, toại chí muôn phần, lại còn được tự-do ăn hoa-quả sanh-mạng rất ngon. Quả thật, ông bà đã hưởng được cái cảnh cực-lạc trong vườn Ê-đen lúc đó, và lại thường gặp mặt Thiên-Phụ từ-ái, nhơn-hiền của mình nữa.



Ông LÊ-VĂN-TRẦM

Song tiếc thay, từ khi ông bà trái mạng-lịnh của Chúa, nghe theo tiếng của ma-quỉ dụ-dỗ, ăn trái cấm, thì ông bà đã vương cái nọc độc của loại vi-trùng mà làm bệnh tội-lỗi rồi, đã mất cái vẻ xinh-đẹp làm con Trời, sự vinh-hiền cao-trọng, sức khỏe-mạnh của tâm-thần, linh-hồn và thân-thể, đã trở nên yếu-duối, suy-kém. Khốn thay! Từ đấy nhơn-loại bước vào thời-đại tội-ác, phải cam-đành số-phận, cùng nhau chung chịu lấy cái bệnh mà thi-tô mình đã mang. Chẳng ai tránh được, vì chúng ta vốn bởi một gốc-cội đó mà sanh ra trong cõi đời này.

Tục-ngữ có câu: «Hễ cây đặng thì sanh trái đặng.» Thi-tô ta, là đầu của

nhơn-loại, mà đã vương-mang lấy cái bịnh tội-ác không vâng-phục Chúa rồi, thì chúng ta cũng đều mắc bịnh ấy, vì mình bởi gốc cây đặng mà sanh ra trái đặng vậy. «Cho nên, như bởi một người mà tội-lỗi vào trong thế-gian, lại bởi tội-lỗi mà có sự chết, thì sự chết đã trải qua trên hết thảy mọi người như vậy, vì mọi người đều phạm tội» (Rô 5: 12). «Bởi sự không vâng-phục của một người mà mọi người khác đều thành ra kẻ có tội» (Rô 5: 19). «Mọi người đều đã phạm tội, thiếu mất sự vinh-hiến của Đức Chúa Trời» (Rô 3: 23). Đó là cái bịnh cha truyền con nối; vì như ông cha có bịnh phung-cùi hễ sanh con ra thì tự-nhiên nó phải bịnh phung-cùi, vì cơ cái nọc phung-cùi ấy di-truyền lại.

Quý độc-giả ôi, bây giờ hãy tự xét lấy mình, hãy định tâm yên trí coi thử cái nọc độc của bịnh phung-cùi thiêng-liêng đó thâm-nhập vào trong tâm-hồn của mình thế nào. Nó là thứ bịnh vô phương điều-trị, bởi loài vi-trùng độc-ác ẩn trong huyết, ẩn trong linh-hồn và óc trí, nó cắn-phá làm cho vô số linh-hồn của nhơn-loại phải đắm-chìm trong biển khổ. Nào tửu, sắc, yếm, đồ, nào bịnh nghi-ngờ bởi tư-tưởng hư-nát, thù-oán, giết người, dối-trá, tham-lam, thờ hình-tượng, say-sưa, chắt-bóp, mê ăn-uống, tà-dâm, xác-xược, kiêu-ngạo, trái-bỏ Đức Chúa Trời hằng sống mà vui-say theo tà-thuật dị-doan. Quý độc-giả ôi, đó là các chứng-bịnh gốc bởi tội-lỗi mà ra, rất dối-góm-ghe, nó dương xông vào mỗi người mà giết hại mạng sống và linh-hồn không dứt, không thôi.

II. Sự hiềm-nghèo do bịnh tội-lỗi.—Bịnh tội-lỗi chẳng những làm hại cho một người, mà lại làm hại cho mọi người; vì nó mà làm cho vô số gia-dình phải điêu-tàn lụn-bại, biết bao xã-hội phải đồ-nát nguy-vong, hạng người tốt trở nên xấu, khôn hóa dại, sang trở lại hèn; người sáng như dui-

mù, thậm-chỉ không phân-biệt được thật giả tốt xấu gì cả. Hỡi bịnh tội-lỗi, người độc-ác là đường nào! Nghe đến người thì cảm-tưởng đến nơi đoán-phạt rất kinh-khiếp của tội-nhơn, tức là địa-ngục tỏa ra sự đau-dớn cả ngày lẫn đêm chẳng thôi.

Tiếng rên-siếc, kêu-la, than-thở ghê-sợ của tội-nhơn đương hấp-hối trong giờ hình-phạt, ai nghe chắc cũng phải rùng mình sởn gáy. Kia, họ nằm trên giường đau-dớn vô-ngăn, kêu-la thăm-thiết; nài-xin giải-cứu, mà chỉ lưỡng công vô-ích thôi. «Chao ôi! Tôi bị khổ trong lửa này quá dỗi!» Đó là tiếng kêu-la rên-siếc của một vị đại-phủ độc-ác kia; lúc bình-sanh người này thọ ơn của Trời, sống, động và có là bởi Ngài, nhờ Ngài, song đem lòng bội-nghịch chối-bỏ Chúa, là Thiên-Phụ từ-ái. Những ai thờ các thần-bụt, phạm đủ các điều tội-ác, ý chúng hiếp cô, lường-lận gian-tham, ý tài cậy sức, chỉ tư-tưởng về các việc thế-gian, thờ ý riêng mình và cái bụng, sống dề chăm-nom về xác-thịt, lo làm cho phu-phủ cái nhục-dục mà thôi, thì rốt-cuộc đến giờ cuối-cùng, xuôi tay nhắm mắt, xác-thịt qui về bụi đất, còn linh-hồn cứ sống mà chịu sự đau-dớn khổ-hình trong địa-ngục vậy đó.

Ở đây người muốn chết cho thoát khỏi cái cảnh khổ-hình ghê-sợ ấy song sự chết tránh xa, muốn ăn-năn hồi-tâm hướng về Chúa song hết dịp-tiện rồi. Cho nên dầu người cố sức kêu-la nài-xin cho mòn-mỏi đến đời đời, thì cũng vẫn bị đau-dớn khôn xiết. Đó cũng vì bịnh tội-lỗi mà đến nỗi như thế.

Bịnh tội-lỗi lại hay truyền-nhiễm rất mau-chóng bởi các thứ độc-trùng thiêng-liêng vẫn ẩn-bí trong ngũ-quan và tâm-hồn của chúng ta. Nó không trừ ra ai, bất cứ hạng nào, thượng-lưu, hoặc trung hạ-lưu nó cũng cứ truyền-nhiễm cả; dầu bậc đa-văn quảng-kiến, học-thức cao-minh gì cũng bị cái bịnh tội-lỗi truyền vào

tâm-hồn và thân-thể. «Chẳng có một người công-bình nào hết, dẫu một người cũng không. Chẳng có một người nào hiểu-biết, chẳng có một người nào tìm-kiếm Đức Chúa Trời. Chúng nó đều sai-lạc, thầy cùng nhau ra vô-ích; chẳng có một người làm đều lành, dẫu một người cũng không» (Rô 3: 10-12).

Qui độc-giả ôi, bịnh tội-lỗi hiềm-nghèo như thế, nó vốn hay truyền-nhiễm lan-chóng cho mọi người trong xã-hội không trừ ra ai. Thế thì chúng ta đánh liều nhắm mắt đưa chơn, liều mạng tới đâu hay đó ư? Chắc chúng ta phải lo tìm phương thuốc hay tức-thì để cứu-chữa cho lành bịnh tội-lỗi ấy. Nếu để lâu và trì-hoãn chừng nào, thì càng nguy-hiềm và khó-khẩn chừng nấy.

III. Linh-được chữa lành bịnh tội-lỗi.—Đấng Lương-y siêu-phàm độc-nhứt đã tự chế ra phương thuốc bằng huyết chi-thánh vô-tội của Ngài để cứu lành bịnh tội-lỗi của nhơn-loại đây. Không phải như vị thuốc *trường-sanh* của ông Lão-tử chế dẫu. Vì thuốc của ông không có linh-nghiệm dẫu mà cứu bịnh xác-thịt được, thì làm sao cứu được bịnh tội-lỗi trong linh-hồn? Và lại cũng không giống như vị thuốc *chấn đời* vì cái sanh, lão, bịnh, tử mà nhà triết-học kia đã chế ra để cứu-độ chúng-sanh dẫu; vì vô-số chúng-sanh đã uống thuốc đó mà vẫn còn bịnh tội-lỗi. Cũng không phải là vị thuốc *mê-tin* đến nỗi khỗ-

tu ép xác, xiềng-xích mình vào luật-pháp, lập công-dức riêng, giữ ngày Sa-bát và kiêng ăn. Đó là cậy việc làm theo luật-pháp và điều-răn của loài người bởi xác-thịt mà lập nên, chắc cũng không cứu đặng bịnh tội-lỗi dẫu, lại còn thêm nguy-hiềm thì có.

Quả thật, bịnh-nhơn không thể nào tự mình chữa lành bịnh-tật của mình, hoặc uống sai thuốc mà được lành

bịnh bao giờ. Người có bịnh tội-lỗi cũng vậy; họ không thể nào cậy sự tu-hành đạo-dức, ép xác khổ thân của họ, hoặc nhờ sự tu kiêu bởi lộ, bổ-thí phóng-sanh mà được sạch hết bịnh tội-lỗi bao giờ. Nhưng chỉ bởi huyết thánh vô-tội của Đức Chúa Jê-sus đóng dinh trên thập-tự-giá; huyết ấy đổ ra, làm nên một

HIỆN nay tình-hình tài-chánh của NHÀ-IN và THÀNH-KINH BẢO rất khốn-quẫn. Chúng tôi đã hết sức tinh-toan cho công-việc Chúa được tiến-hành như trước và hơn trước nữa, vì phần của chúng ta là toàn-thắng chớ không phải thất-bại. Nhưng tiếc thay, nạn kinh-tế khủng-hoảng ngăn-trở rất nhiều anh em yêu-dấu trang-trải xong số thiếu NHÀ-IN và THÀNH-KINH BẢO, đến nỗi bây giờ còn **động tới hai ngàn đồng**. Chúng tôi chẳng biết lấy đâu mà bù vào chỗ thiếu đó, chỉ bèn lòng cầu-nguyện nhờ-cậy Chúa, và hết sức trông-mong anh em cố-gắng giúp-đỡ chúng tôi qua bước khó-khẩn. Vậy, những anh em nào còn thiếu *bất luận ít nhiều, xin lấy lòng yêu-thương kịp kịp gửi về trả cho*. Đa-tạ!
—*Nhà-in và Thành-Kinh Bảo.*

thứ linh-được độc-nhứt vô-nhị vậy. Huyết đó «đường như huyết của chiên con không lỗi không vết, đã định sẵn trước buổi sáng-thế, và hiện ra trong cuối các thời-kỳ vì cứu anh em,» để cứu chúng ta khỏi bịnh tội-lỗi (xem I Phi-e 1: 18-19). Ấy là huyết của Đức Chúa Jê-sus, Con Đức Chúa Trời, làm sạch mọi tội chúng ta, chớ ngoài ra thì «ở dưới trời chẳng có danh nào khác ban cho loài người để chúng ta phải nhờ đó mà được cứu» (Sứ-đồ 4: 12). Lại Kinh-Thánh có chép lời hứa rằng: «Nếu chúng ta xưng tội mình, thì Ngài là thành-tín công-bình để tha tội cho chúng ta, và làm cho chúng ta sạch mọi điều gian-ác» (I Giăng 1: 9).



Các chi-hội thêm độc-giả.—An-hóa : 1 ;—Sài-gòn : 5 ;—Kép (Cao-mên) : 1.

Xin các anh chị yêu-dầu bất cứ gặp dịp-tiền nào, cũng sốt-sắng cõ-động cho Thành-Kinh Báo ngày càng thêm đông độc-giả. Cũng xin mỗi anh em kíp gởi tiền về trang-trải số thiếu, hầu cho việc Chúa được tấn-bộ và danh Chúa được vinh-hiễn. Đa-tạ!
—T. K. B.

Bồn-báo khải-sự.—Vi một lễ-riêng, bồn-báo bất-đắc-đĩ sẽ phải xuất-bản hai số 54 và 55 (Août, Septembre 1935) làm một tập. Xin thưa đề anh em biết trước mà lượng-xét cho. Đa-tạ!—T. K. B.

Lòng tốt đáng khen.—Thấy bồn-báo thiếu-thiếu mọi bề, ông Chung-khâm-Lộc ở Cần-thơ bèn gởi giúp Thành-Kinh Báo 1\$00. Ông lại cầu Chúa ban ơn cho Thành-Kinh Báo cứ được tấn-tới và trường-cửu. Bồn-báo xin cảm ơn ông và cầu-xin Chúa ban phước cho ông bội phần hơn nữa.
—T. K. B.

Báo cũ đóng thành bộ.—Thành-Kinh báo mấy năm trước (từ 1931 đến 1934) hiện nay còn rất ít và đã đóng thành từng bộ, mỗi năm 2\$00. Anh em nào muốn mua, xin gởi tiền trước hoặc mua cách lãnh hóa giao ngân.—T. K. B.

BẮC-KỲ

AI-tín.—Em Đổ-thị-Thanh-Lương, 5 tuổi, con ông bà Đổ-dinh-Cung, chấp-sự Hội Tin-Lành Hải-phòng, đã ngủ yên trong Chúa ngày 31 Mai 1935. Chúng tôi xin có lời thành-thực chia buồn cùng ông bà.
—Nguyễn-văn-Thìn.

Cấm-phả Mine.—Trước kia tôi ham-mé cuộc vui-chơi bậy-bạ của thế-gian đến nỗi thiếu đều quỳên-sinh. Nhưng năm ngoài tôi tin Đức Chúa Jêsus tại Hải-phòng, nên được vui-mừng, bình-an và chữa-hồ hết tội-lỗi. Thật Tin-Lành của Ngài chẳng phải là đạo dối như nhiều người đã phao-vu, song chính là đạo thật của Đức Chúa Trời lập lên.

Bây giờ tôi làm việc ở Cấm-phả Mine, anh em trong Chúa chỉ có ba người.

Chúng tôi đi làm chừng cho Chúa, được vài chục người cầu-nguyện, song chỉ có hai người đứng vững. Xin nhớ cầu-nguyện cho chúng tôi được thêm ơn của Chúa để hầu việc Ngài cho được kết-quả càng thêm. Cảm ơn!—*Dinh-vân-Tài.*

Hưng-yên.—Ngày 9 Mơi ông Kỳ Đoán nghỉ yên trong Chúa. Khi ông qua đời vẫn bình-yên, vui-mừng. Ngày 10 Mai các ông Wm. C. Cadman, Đứng-đức-Thụ và Đổ-đức-Tri từ Hà-nội về làm lễ an-táng. Hết thầy giáo-hữu trong tỉnh Hưng-yên đều đến giúp việc an-táng, 20 người khiêng, 6 người cầm vòng hoa, các anh em chị em khác ở xa hơn 17 cây số mà cũng đến dự lễ an-táng cả. Sự yên-thương của Chúa rất lạ-lùng, vì ông Đoán đã từ-bỏ anh em, bà-con, láng-giáp mà theo Chúa, nên Chúa ban ơn như vậy.—*Vũ-văn-Ấn.*

Sơn-tây.—Tôi xin thành-thực cảm ơn anh em chị em xa gần đã cầu-nguyện cho vợ tôi bấy lâu bị bệnh tê. Chúa đã nâng-đỡ, yên-ủi, chữa lành cho vợ tôi rồi. Tạ ơn Chúa!—*Đổ-Phương.*

Phủ-lý.—Chúng tôi về đây hầu việc Ngài đã gần được 9 tháng. Gia-quyền chúng tôi nhờ Chúa được bình-yên, dẫu có đau chút ít. Riêng phần tôi thì sức yếu, tướng không thể đảm-đương được hai chức-vụ bán sách Thánh-thơ Công-hội và giảng đạo. Song tôi nhờ Đấng ban thêm sức cho mà làm các công-việc đó. Rất cảm-tạ ơn Ngài.

Về phần Hội-Thánh, Chúa cũng có ban ơn nhiều. Ngài có giục lòng một nữ-tin-đồ dâng gỗ, còn các anh em khác dâng tiền để trả công thợ đóng mười chiếc ghế dài, đáng giá 7\$00. Chúa lại ban ơn kêu-gọi thêm được một số ít linh-hồn trở lại tin Ngài. A-lê-lu-gia.

Ngày 28 Avril 1935 ông Mục-sư W. A. Pruett về làm phép báp-têm cho ba người nữ-tín-đồ. Cầu Chúa cho ba chị em này thật được tái-sanh.

Cũng ngày 28 Avril đó, ông Mục-sư Pruett có làm phép cưới cho cô Oánh, dưỡng-

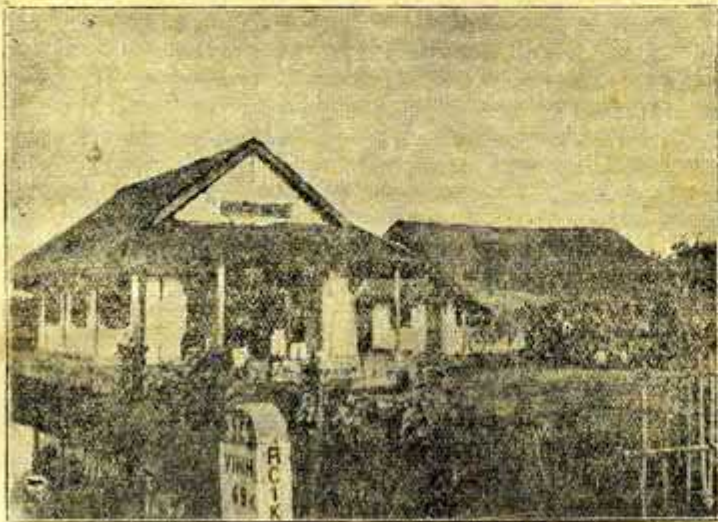
nữ bà Nguyễn-thị-Thường, với cậu Nguyễn-thiện-Sĩ, thứ-nam của ông bà Nguyễn-thiện-Đạo, chấp-sự Hội-Thánh Hà-nội. Chúng tôi lấy lòng thành-thực chúc-mừng tân-lang cùng tân-giai-nhơn được hưởng hạnh-phước gia-đình, và càng thêm lên trong sự yêu-mến Chúa.

Hiện nay vợ tôi bị đau cái hạch ngang yết-hầu; vì hạch càng ngày càng lớn lên, nên khó chịu lắm. Xin quý anh chị yêu-dầu nhớ cầu Chúa chữa cho vợ tôi mau lành-mạnh. Cũng xin cầu-nguyện Chúa đặt tay cứu-chữa cho một nữ-tin-dồ ở đây

tiền giúp việc truyền-đạo giữa người Mọi Cà-lơ cho ông Mục-sư Hazlett ở Tourane. —*Đoàn-vân-Khánh.*

Quảng-ngãi.—Hiện nay anh em đương lo vật-liệu để xây-cất nhà giảng. Xin quý-hội nhớ cầu-nguyện Chúa ban đủ mọi sự cần-dùng để chúng tôi lo công-việc của Ngài cho được may-mắn. Cảm ơn! —*Lê-Đặng.*

Tourane.—Cảm ơn Chúa, Ngài cứu tôi từ năm 1918. Trải qua ba năm tôi bị cha tôi thử-thách, ép phải cúng-lay, nhưng tạ ơn Chúa, sự cảm-đổ, thử-thách thấy đều tan-chảy. Hằng ngày tôi vẫn khăn-thiết



Nhà-thờ mới của chi-hội Hà-tĩnh

đau bệnh tê-bại hai tay. Xin cảm ơn trước.—*Bùi-xuân-Thọ.*

TRUNG-KỲ

Dân-số người thương-du.—Tôi xin sao-lục dân-số người thương-du ở Trung-kỳ để anh em độc-giả biết trách-nhiệm Chúa giao cho chúng ta là lớn dường nào.

Mường, Thái.—Thanh-hóa: 51.620; Nghệ-an: 43.165.

Cà-lơ.—Quảng-trị: 7.637.

Mọi.—Quảng-ngãi: 31.636; Bình-định: 5.683; Phú-yên: 1.508; Kontum: 169.650; Ban-mê-thuôt: 111.321; Đa-lát: 34.095. —*Nguyễn-vân-Lịch sao-lục.*

Tạm đổi chỗ ở.—Ông Mục-sư I. R. Stebbins đã đổi đi Đa-lát tạm-thời trong ít tháng. Trong lúc ông vắng mặt, thì ông Mục-sư H. H. Hazlett tạm thay. Vậy, xin các quý-hội ở Trung-hạt cứ mỗi tháng gửi

nài-xin Chúa cảm-động cứu cha mẹ và em tôi; cũng có nhờ quý ông bà trong Hội-Thánh cầu-nguyện và đến cất nghĩa, khuyên-lơn, song ông vẫn cứng-lòng. Đến nay đã hơn 17 năm, ông mới có lòng kính-sợ Chúa.

Cha tôi thọ bệnh rất là nguy-hiêm và ghé-sợ; lúc đó ông được Đức Thánh-Linh thúc-giục và cảm-động, vội-vàng bảo tôi mời các ông chấp-sự gần đây cầu-nguyện cho ông tin Chúa. Trước khi qua đời, ông xưng các tội đã phạm mấy năm trước và tự thống-trách, kêu-cầu Chúa tha-thứ cho, khiến lòng tôi cảm-động vô-cùng mà ngợi-khen Chúa. Trong cơn hấp-hối, ông gọi gia-quyển đến trước mặt mà ân-cần dặn-bảo, rồi *tạm-biệt* chúng tôi mà về với Chúa cách an-nhiên vô-sự. Đàng mừng thay, hiện nay trên thiên-dàng có cha tôi, em và con tôi!

Qui ông bà nào gặp cảnh-ngộ như tôi, thì cứ hết lòng lấy đức-tin nhờ-cậy và cầu-nguyện Chúa cho đến cuối-cùng, chắc sẽ được Ngài ban phước càng hơn.—*Chấp-sư Hồ-công-Cần.*

Đa-lát.—Trải qua hai năm rồi, nhờ ơn Chúa tôi được bình-yên, học tiếng Mọi, đã dạy đạo của Chúa Jê-sus cho người Mọi Xơ-rê bằng tiếng mẹ đẻ của họ được rồi. Nhưng chúng tôi mới bị cơn thử-thách, nào là cơn nhỏ 4 tháng 10 ngày qua đời theo Chúa bữa 3 Mai 1935; nào là cơn rét lâm cực thân tôi hơn một tháng đến nổi da vàng, nhẹ mắt 6 ki-lô. Hiện nay tôi đương phải chích *quinine*. Xin quý Hội-Thánh cầu-nguyện cho chúng tôi thắng trận ma-quỉ, tẩy-tối trong sự hầu việc Chúa, đem danh Jê-sus đến giữa vòng người Mọi Xơ-rê để nhờ ơn Chúa cứu họ và họ có thể lập Hội-Thánh như người Việt-nam vậy. Các quý-hội địa-hạt Nam-kỳ ôi, xin đưa tay ra mà đỡ tôi vào xứ Djiring mau đi, vì lòng vợ chồng tôi khao-khát mau đến xứ ấy để trả xong lời hứa-nguyện cùng Chúa bấy lâu. Xin anh em chị em cố sức cầu-nguyện với Chúa để năm nay Ngài xô-đẩy chúng tôi vào xứ Djiring. Rất đội ơn!
—*Trịnh-an-Meo.*

Hì-tin.—Đến 14 Juillet này, vào lúc 10 giờ mai, tại giảng-đường Tourane, chúng tôi sẽ làm lễ thành-hôn cho trường-lữ chúng tôi là Nguyễn-xuân-Hảo, học-sanh trường Kinh-Thánh Tourane, với cô Nguyễn-thị-Bền, lịnh-ái ông Nguyễn-hữu-Vinh, Tư-hóa chỉ-hội Tourane. Vậy có mấy lời đơm-thành kính-cáo đề các anh chị yêu-dấu biết. Xin các anh chị nhớ cầu-nguyện cho đôi-lửa này được Chúa ban mọi phước lành để gây-đựng một gia-đình mới.—*Nguyễn-xuân-Diệm.*

Ngày 30 Juin 1935, tại Hội-Thánh Lạc-thành cũng làm lễ thành-hôn cho thầy Nguyễn-văn-Lịch, sanh-viên trường Kinh-Thánh Tourane, con trai ông Nguyễn-văn-Thanh, Thơ-ký chỉ-hội Tam-kỳ, cùng cô Đinh-thị-Khoái, ái-nữ ông Đinh-văn-Hấp, Thơ-ký chỉ-hội Lạc-thành. Xin có lời chia vui cùng hai họ Nguyễn, Đinh, và chúc-mừng cô dâu cùng chàng rể được hưởng trọn cuộc đời hạnh-phúc. A-men.
—*Nguyễn-xuân-Diệm.*

Thu-bồn.—Trải qua hơn nửa năm ông bà Tùng đến hầu việc Chúa ở đây, đầu bị

đau-ốm nhiều, song nhờ Chúa cũng được bình-yên. Chúa đã kêu-gọi thêm 16 linh-hồn trở về cùng Ngài. Trong số đó có một gia-quyển đã bị dứt phép thông-công và một gia-quyển sa-ngã nay lại ăn-năn thống-hối. Có nhiều gia-quyển khác nguội-lạnh nay được nóng-nảy. Lại có ông Lê-Hoan bị bệnh điên dữ-đội, song chịu ăn-năn tin Chúa, nay ông đã được lành. Chúa lại cứu luôn cả gia-quyển ông nữa. A-lê-lu-gia! Thật là tài Cứu-Chúa rất là. Chúa cũng ban ơn cho bần-hội có 27 người mới chịu phép báp-têm, và 15 em nhỏ dâng cho Chúa. Cảm ơn Chúa.

Xin quý ông bà anh chị yêu-dấu nhớ cầu-nguyện cho bần-hội chúng tôi được phần-hưng càng thêm. Đa-tạ!—*Thơ-ký: Võ-Hanh.*

NAM-KỶ

Lưu-hành tuyên-đạo Bang.—Ta ơn Chúa, đã bảy tháng nay Chúa dùng ban truyền-đạo làm công-việc Ngài trong quận Long-mỹ, Rach-giá. Hiện nay có hơn 100 người-tin theo Chúa. Đã xin được phép mở Hội-Thánh rồi, song còn thiếu tiền cất nhà giảng. Chúng tôi mới được 49\$00. Xin các quý-hội nhớ Long-mỹ mà cầu-nguyện cho.

Sau khi Hội-đồng Tổng-liên-hội, ban truyền-đạo còn giảng đặc-biệt hai tuần nữa và làm phép báp-têm cho tin-dở tại đây cũng sáng-lập Hội-Thánh. Rồi ban chúng tôi sẽ khởi-sự lo mở một hội khác tại Ngã-năm Cai-trầu. Ở đây và các chỗ xung-quanh đã được 46 người mới tin Chúa. Thiệt sáng danh Chúa nhiều vì người xấu-xa tội-lỗi nay đã được Chúa cứu khỏi, cũng có người tật-bệnh được Chúa thương-xót chữa cho. Rất cảm ơn Ngài!—*Trưởng-ban: Huỳnh-văn-Ngà.*

Tân-an.—Chúng tôi được mời ở lại đây hầu việc Chúa một khóa nữa. Chúng tôi có lòng lo, nên phải nhờ-cậy Đức Chúa Jê-sus và biết rõ Ngài nhiều hơn. Xin quý ông bà cầu-nguyện cho chúng tôi được đặc-thắng trong Đấng Christ luôn luôn. Đa-tạ.

Hôm 15 Avril chúng tôi có mời ông Mục-sư Lê-văn-Ngo ở Gò-công đến làm lễ thành-hôn cho con gái ông Tư-hóa Châu-ngọc-Tông, là cô Châu-thị-Hai, sánh duyên cùng con trai ông Hồ, Tư-hóa Hội-Thánh Gò-công. Cầu Chúa ban phước cho đôi-

lừa này hưởng trọn lạc-thứ gia-dinh !
—*Trần-như-Hối.*

Kế-an.—Chi-hội chúng tôi nhờ Chúa có mở Hội-đồng phục-hưng ba ngày bốn đêm. Các ông Lê-văn-Quế, Kiều-công-Thảo và Nguyễn-văn-Nhung dùng lời quý-báu của Chúa bổ sức thiêng-liêng cho chúng tôi, và dạy cho chúng tôi biết thêm về bổn-phận mình đối với công-việc Chúa.

Mỗi đêm giảng cho người ngoại không có tới một trăm thánh-giá ; dầu ít người, nhưng họ nghe chăm-chỉ và có lòng hoan-nghĩnh đạo Chúa lắm. Kết-quả có một người ngoại trở về cùng Chúa, bảy người chịu phép báp-têm và một em nhỏ dâng cho Chúa. Tiền lạc-quyên trong hội-đồng phục-hưng được 17\$90, chi tiêu hết 14\$90, còn lại 3\$00. Cảm ơn Chúa.—*Trần-văn-Bi.*

Cai-ngan.—Ông cựu nghị-viên Lê-văn-An đã từ-giã cõi đời về nơi yên-nghỉ của Chúa ; anh em chúng tôi lo an-tàng ông rất long-trọng. Chúng tôi xin chia buồn cùng tang-quyển.

Ngày 22 Avril 1935 có lễ hôn-phối của con gái ông bà Lê-văn-Hạnh, nghị-viên bổn-hội, đẹp duyên với con trai ông bà Võ-văn-Lưu, chấp-sự chi-hội Cai-tàu-hạ. Chúng tôi xin chia vui cùng hai họ, và chúc cho đôi-lửa được bách-niên giai-lão.

Con ông nghị-viên Phan-văn-Phò mới lên 6 tuổi, rũi nuốt đồng xu vào bụng, tưởng nguy-hiểm lắm, song nhờ sự cầu-nguyện nên em đi tiêu ra được. Thiệt tài Cứu-Chúa rất lạ !

Cách vài bữa ông Phò với bà cụ thân-sinh ông đi nơi xa có việc. Tối thứ bảy không về được đặng nhốm ngày Chúa-nhật. Đêm ấy ông cột tam-bản vào cầu để cho một em ngủ giữ. Rồi ông và bà cụ lên thăm bà-con ; lâu ngày gặp-gỡ nói chuyện cũng khuya. Khi xuống thăm chừng chiếc tam-bản thì thấy chìm !! Cảm ơn Chúa, tuy cửa tam-bản đóng mà em đó bỏ ra được, chỉ bị ướt thôi, còn đồ-dạc trôi hết. Dawn vậy, nhờ Chúa kiếm được, chỉ mất một vài món nhỏ-mọn mà thôi.

Khi về nhà cách vài đêm có kẻ trộm phá chuồng bò của ông, mở cổng sửa-soạn đuổi bỏ đi, song lạ thay, có Chúa đánh thức người ngủ trong chuồng bò ; hần la lên, kẻ trộm chạy hết, còn bò thì không mất. Thật thiên-sứ Đức Giê-hô-va đóng lại xung-quanh kẻ kinh-sợ Ngài, và

giải-cứu họ» (Thi-thiên 34 : 7). A-lê-lu-gia ! Đấng ngợi-khen Chúa !—*Ban Tri-sự.*

Long-xuyên.—Cảm ơn Đức Chúa Jê-sus vô-cùng vì Ngài đã ban phước dồi-dào cho bổn-hội !

Trước và sau khi sanh con, vợ anh Tư Giáo vẫn đau, thầy thuốc Tây Nam chữa không lành ; anh Tư đã thất-vọng, tưởng vợ phải lia trần. Song ban Tri-sự kiêng ăn cầu-nguyện một ngày, thì từ đó chỉ mạnh lại như thường.

Chị hai Tất đau mắt, mây đã kéo phủ cả trong ; người ngoại nói là tại chị không thờ bà Cứu-thiên nữa. Song chị hết lòng nhờ-cậy Chúa, thì Ngài đã cho chị được lành như cũ. Chị cũng bị chồng bắt-bớ, ngăn-trở đủ cách, nhưng cứ đứng vững, nhìn-nhục và làm sáng danh Chúa, đến nỗi chồng chịu cảm-động mà ăn-năn tin Chúa. Rồi anh lại bị cha mẹ bắt-bớ, lấy lại phần đất, song anh chẳng nao-núng.

Vợ thầy Ba Tộc đau nặng, chính thầy là lương-y cũng đành bó tay. Bà thân thầy bèn cảm-đổ cô cầu Phật, song cô không chịu, có nói rằng : «Thưa má, tôi có chết thì theo Chúa thôi.» Thầy Tộc và anh em tin-đồ cầu-nguyện Chúa, thì từ đó cô bắt đầu mạnh lại. Thầy cũng bị bà thân đánh-đập, mắng-nhiếc, và dùng lời dụ-ngọt mà khuyến bớ Chúa, lại hứa sẽ cho 2000\$. Nhưng thầy nhứt-định không chịu, nên bà phải tạm lui.

Vợ anh Ba Thái sanh-đẻ khó-khăn, phải mời thầy thuốc Tây đến cấp-cứu. Sinh rồi chị bất-tĩnh, người ta cần ngón chơn mà chị vẫn không cựa-cựa. Dầu vậy, anh Ba không ngã lòng, cứ tin-cậy và cầu-nguyện Chúa, nên chị trở lại, cử-động và mạnh như thường.

Con anh Năm Hòa chừng 2 tuổi rưỡi, chưa biết lội, rũi té xuống sông đầy nước và rộng hơn 20 thước tây. Song Chúa đỡ nó nổi trên mặt nước, trôi sang bờ bên kia, không hề chi cả.

A-lê-lu-gia ! Ngợi-khen Đấng Toàn-năng đã ban mọi phước lạ trên đây !
—*Trần-xuân-Hi.*

DỪNG TRÌ-HOÀN NỮA, ANH EM !

Tình-hình tài-chánh của nhà-in và Thánh-Kinh Báo rất quẩn-bách. Anh em nào thiếu dầu ít hay nhiều, cũng xin kíp trả. Đa-tạ !—*Nhà-in và Thánh-Kinh Báo.*

QUÁN-QUÂN TRUYỀN-ĐẠO



CHARLES HADDON SPURGEON

SOẠN-GIẢ: W. G. SCROGGIE, THẦN-KHOA TẤN-SĨ

CHƯƠNG THỨ TƯ

LỢI-KHÍ LẠ-LÙNG TRONG TAY CHÚA

(Tiếp theo)

CÓ lẽ ta có nhơn-cách nhưng không có ân-tử và tài-năng, hoặc có ân-tử và tài-năng nhưng không có nhơn-cách.

Song ông *Spurgeon* có cả hai thứ ấy theo một trình-độ và hạn-lượng tối-cao. Nhờ nhiều tấm ảnh của ông để lại, ta biết dung-mạo của ông là thế nào. Ông lùn thấp, khỏe-mạnh, không đẹp, và ngực nở lạ-lùng. Vậy chớ người mà chúng ta quen-biết đó có các đặc-sắc nào đến nỗi đã trở nên nhà truyền-đạo có quyền-phép, có tên-tuổi lừng-lẫy lâu-dài chẳng những ở kinh-thành Luân-dôn, mà lại ở khắp thế-giới nữa?

Ông có rất ít là sáu đặc-sắc.

1. Tiếng nói.—Giọng tốt là một sở-năng lạ-lùng của người truyền-đạo. Người có giọng tốt không cần nói nhiều mà cũng được kẻ khác nghe. Lại có kẻ phải nói nhiều mà chẳng ai chịu nghe vì mình không có tài ăn-nói. Ông nào có giọng nói như đờn-bà thì phải suy-nghĩ chín-chắn trước khi nhứt-định làm nhà truyền-đạo. Nhiều người nếu chịu luyện-tập giọng nói, ắt có thể lợi-dụng nó nhiều hơn; nhưng cũng có nhiều

người luyện-tập giọng nói của mình mà chẳng ăn thua gì.

Nếu không có giọng tốt, thì *Spurgeon*

không thể nào gây được sự-nghiệp vĩ-dại như thế. Trong một triệu người không có tới mười người nói cho hai vạn thính-giả nghe rõ được. Thế mà khi *Spurgeon* mới 23 tuổi, ông đã giảng lại Lâu-đài Pha-Lê cho 23.654 người nghe; trong thời-kỳ ấy người ta chưa biết máy truyền-thanh là cái gì. Có truyền chép rằng một hai ngày trước khi giảng, ông đến Lâu-đài Pha-Lê để chọn chỗ đặt tòa giảng. Trong tòa nhà trống, ông đọc câu gốc rằng:

«Kìa, Chiên Con của Đức Chúa Trời, là Đấng cắt tội-lỗi thế-gian đi» (Giăng 1: 29). Có một người làm việc ở đây ghé sàn cũng nghe tiếng ông nói, mặc dầu không thấy mặt ông. Tưởng là tiếng từ Thiên-đàng phán xuống, người sanh ra bối-rối đến nỗi phải bỏ việc, về nhà, chiến-đấu một lúc, rồi nhận Chiên Con làm Cứu-Chúa.

Có một lần *Spurgeon* bảo các sanh-viên trường Kinh-Thánh rằng không cần kêu-gào to tiếng để người ta nghe



CHARLES HADDON SPURGEON (1834-1892)

rõ; cứ nói tự-nhiên thì dẫu ở trong tòa nhà rộng nhưt, người ta cũng nghe được. Để chứng thực lời ấy, ông đem họ đến nhà-thờ «ĐỀN-TẠM,» là nơi chứa được năm sáu ngàn người, rồi bảo họ ngồi rải-rác trên những hàng ghế cuối. Ông đứng trên tòa giảng, nói sẽ rằng: «Các ông ơi, nếu các ông có thể nghe tôi nói gì, thì hãy rút khăn mùi-xoa ra.» Sáu bảy mươi người lập-tức làm như thế. Đoạn, ông nói to hơn: «Các ông ơi, hãy cất khăn mùi-xoa đi vì nó không được sạch lắm.» Họ cũng làm theo.

Tân-sĩ *Joseph Parker* phê-bình tiếng nói của *Spurgeon* rằng: «Thật là tiếng to hơn hết mà tôi chưa từng nghe. Tiếng ấy có thể truyền lịnh trong một con dòng-tổ; ta có thể nghe tiếng ấy bên dòng nước chảy ào-ào cũng rõ như trong nhà giảng lặng-lẽ.» Ta nên nhớ rằng chính giọng của Tân-sĩ *Parker* cũng tốt lạ-lùng.

Có một lần ông *Augustine Pirrell*, nhà chánh-trị và văn-sĩ, đến nghe *Spurgeon* giảng tại nhà-thờ ĐỀN-TẠM. Chẳng may ông ngồi giữa một người đương ăn quả cam và một người đương nhai bánh. Về sau ông nói rằng: «Bất-thình-linh tôi nghe ông *Spurgeon* cất giọng nói thanh-tao trung-dẫn ba câu thơ của thi-sĩ *Keats*. Tôi lập-tức quên bẵng mọi sự xung-quanh luôn với quả cam, cái bánh họ đương ăn, và được cất hồng lên cõi thi-văn.» Văn giao-du thân-mật với ông *Spurgeon* và thường nghe ông giảng, Tân-sĩ *J. C. Carlile* nói rằng: «Chắc tiếng nói của ông là tiếng lạ-lùng nhưt mà Đức Chúa Trời đã tạo-thành.»

2. Diệu-bộ.— Diệu-bộ của người truyền-đạo ở trên tòa giảng là quan-trọng thế nào, ta không lường hết được. Trong khi dạy học-trò, ông *Spurgeon* dùng cách giễu-cợt hoặc thí-dụ mà khiến họ chú-ý đến chỗ quan-trọng đó.

Cử-tọa chẳng được giúp ích chút nào nếu thấy ông truyền-đạo cứ khư-khư giữ lấy bàn giảng như người chết đuối ôm chặt bè nứa; hoặc thấy ông nắm

cờ áo dường như mình tự bắt mình; hoặc thấy ông ve-vẩy hai tay đằng sau áo như con chim uốn-éo trên nhánh cây; hoặc thấy ông làm bộ-tịch hung-hăng và giơ quả thoi đương khi đọc câu gốc: «Hỡi những kẻ mệt-mỏi và gánh nặng, hãy đến cùng Ta, Ta sẽ cho các người được yên-nghỉ» (Ma 11 : 28).

Ông *Spurgeon* chẳng khi nào như thế, có lẽ chỉ trừ khi ông muốn ngăn-ngừa kẻ khác làm như thế. Diệu-bộ của ông rất có ý-nghĩa và tự-nhiên, lại xứng-hiệp trọn- vẹn với lời ông nói. Mới bắt đầu giảng, ông đã làm diệu-bộ, nhưng diệu-bộ của ông chẳng phải như của bọn tài-tử diễn kịch. Lời nói và diệu-bộ của ông rập-ràng với nhau và giúp-dỡ lẫn nhau một cách lạ-lùng. Ông *Sheridan Knoles*, là người viết kịch và đóng kịch nổi tiếng, có nói cho học-trò mình biết *Spurgeon* bảy giờ mới 20 tuổi. Ông rằng:

«*Spurgeon* là nhà truyền-đạo lạ-lùng nhưt thế-giới. Tài hùng-biện của ông thật là hoàn-toàn cực-diêm; nào những thế thôi, ông còn đứng bực nhưt về diệu-bộ. Ông chẳng cần học đều gì nơi tôi hoặc nơi bất luận người nào khác. Ông biết hết nghệ-thuật và làm đúng hết nghệ-thuật. Trước kia tôi từng rập hát ở *Drury Lane*; nếu nay tôi còn làm việc ấy, thì tôi quyết bỏ rất nhiều tiền thuê ông đóng kịch suốt một mùa.»

Tân-sĩ *Carlile* cũng trung-dẫn bài của báo *Evening Star* nói về ông *Spurgeon* như dưới:

«Ta chưa hề thấy một nhà biện-thuyết nào nổi danh mà lại không nói bằng tay giỏi và nhiều hơn nói bằng lưỡi. Ông *Spurgeon* tự-nhiên biết như thế. Khi đọc câu gốc rồi, thì ông không cầm đầu trên giấy đã viết sẵn, hoặc khư-khư giữ lấy bàn giảng. Miệng ông vừa nói, thì tay ông cũng làm diệu-bộ, chẳng phải như ngậm-nga trên sân khấu, nhưng như trò-chuyện với anh em ngoài đường-phố: Ông dường như bắt tay hết mọi người và khiến cho mọi người dễ chịu.» (Coi tiếp trang 234)

THỬ GỠ MÔI NGỜ

NỮ TÍN-ĐỒ NÊN PHỤC-SỨC THỂ NÀO?

NUONG theo lời Kinh-Thánh, một nhà truyền-đạo kia có nói: «Loài người phải mặc quần-áo là vì có tội-lỗi.» Câu đó bày-lõ ra địa-vị sa-ngã của loài người, và vì sao loài người cần phải che-đậy tấm thân bằng những mảnh quần tằm áo.

Xét lịch-sử nhơn-loại trong đời thái-cổ, ta thấy họ có tánh-tình hồn-nhiên, ban ngày hái trái cây mà ăn, tối đến ngủ trong hang đá. Còn y-phục? Họ lấy lá cây che thân, dùng da thú làm áo.

Nhưng ngày nay khác hẳn. Họ thi nhau ăn-mặc, chơi-bởi. Nhất là trong đời thượng-chất này các bạn quần-thoa đương bị cuốn theo phong-trào ham-mê phục-sức. Họ trau-giồi tấm thân theo như những thời-trang lóa-loẹt, thể mà họ cho là mình có vẻ yêu-kiểu mỹ-lệ. Đây, câu khẩu-hiệu của họ: **«Cứ ăn-mặc, cứ vui-chơi, vì một mai ta sẽ phải chết.»** Họ lấy đó làm mục-dịch và lý-tưởng của cuộc đời để cố-gắng đạt tới. Ham-mê cuộc đời vật-dục, khách mà hồng hăng năm phung-phí biết bao nhiêu là tiền-bạc để mua những món diềm-trang như vàng, bạc, phấn, son, quần, áo. Lại có những lối phục-sức chai-lơ để khêu-gợi tình-dục của lắm người. Sứ-đồ Phi-e-rơ quyết-định ngăn-cản cái phong-trào ấy tràn vào Hội-Thánh, nên đã nghiêm-nghị răn-bảo các nữ-tín-đồ rằng: «Chớ tìm-kiếm sự trang-sức bề ngoài, như gióc tóc, đeo đồ vàng, mặc áo-quần lóa-loẹt; nhưng hãy tìm-kiếm sự trang-sức bề trong giấu ở trong lòng, tức là sự tinh-sạch chẳng hư-nát của tâm-thần dịu-dàng im-lặng, ấy là giá quý trước mặt Đức Chúa Trời»

(I Phi-e-rơ 3: 3-4). Câu Kinh-Thánh trên đây tỏ ra cách phục-sức xứng-hiệp với tư-cách của nữ-tín-đồ, và cảnh-cáo cho ta biết những món diềm-trang kia chỉ là tạm-thời và hư-hại.

Vậy, vì cớ nào ta còn thấy trong Hội-Thánh lắm tin-nữ khinh thường lời Kinh-Thánh mà đánh lòng chiều theo những thói-tục hư-xấu của thế-gian? Họ cũng đánh phấn, cũng môi son, cũng giầy cao gót, cũng áo tân-thời. Họ tưởng làm theo cách này thì đối với thế-gian sẽ được tăng phẩm-giá. Sai rồi! Sứ-đồ Phao-lô vốn người từng-trải sâu-nhiệm, khuyên rằng: «Đừng làm theo đời này, nhưng hãy biến-hóa bởi sự đổi mới của tâm-thần mình.» Họ quên câu phương-ngôn Pháp: *«Bonté vaut mieux que beauté»* (cái nết đánh chết cái đẹp).

Có nữ tín-đồ tưởng rằng ở chốn phồn-hoa mà không trang-diềm thì người ta cho là quê-mùa. Nghe câu đó lòng ta không còn hồ-nghi mà biết ngay rằng tin-nữ đó vẫn còn lưu-luyến thế-gian, và vẫn ưa trang-sức bề ngoài vốn là trái ý Chúa. Kinh-Thánh rằng: «Chớ yêu thế-gian, cũng đừng yêu các vật ở thế-gian nữa; nếu ai yêu thế-gian, thì sự kính-mến Đức Chúa Cha chẳng ở trong người ấy» (IGi. 2: 15). Theo chỗ tôi biết thì tín-đồ của Chúa phải có tư-tưởng, sự ưa-thích và quan-niệm trái hẳn với người thế-gian. Mặc dầu người thế-gian bình-phàm, song họ vẫn không hiểu cái đạo-đức cao-thượng của tín-đồ.

Có người nói: «Phụ-nữ cần trang-diềm cũng như một gian phòng có trần-thiết.» Phải, một gian phòng có trần-thiết mới đẹp, nhưng nếu ta không biết

cách trần-thiết thì vẻ đẹp chẳng thêm lên, mà lại xấu đi nữa. Nhiều người, như là những phụ-nữ ở chốn thôn-quê, làm chi có lắm bạc nhiều tiền để sắm những áo hàng mũi, giày cao gót, xuyên vàng, hột vàng, dây chuyền cùng son phấn, mà sao lắm người trông vẫn đẹp? Cái vẻ đẹp của họ ngày-thơ, càng nhìn càng tươi, tôi cho là còn gấp mấy cái đẹp phù-hoa của các cô khuê-các.

Có người lại nói: *«Càng tô-diêm bao nhiêu thì vẻ đẹp lại lộ ra bấy nhiêu, cũng như gắm thêm hoa, nào có hại gì!»* Không, theo ý tôi, càng trang-diêm, như đánh phấn, thoa son, gióc tóc thì càng làm mất vẻ đẹp tự-nhiên, khác nào như đóa hoa tường-vĩ kia đã sẵn có vẻ đẹp trọn- vẹn của Đấng Tạo-Hóa ban cho nó, nếu ta cho là xấu, mà lấy bút tô vào cánh hoa, chắc không khỏi làm mất vẻ đẹp tự-nhiên của nó được. Đức Chúa Jê-sus dạy rằng: *«Còn về phần quần-áo, các người lại lo-lắng mà làm chi? Hãy ngắm xem những hoa huệ ngoài đồng mọc lên thế nào; chẳng làm khó nhọc, cũng không kéo chi; nhưng Ta phán cùng các người, dầu vua Sa-lô-môn sang-trọng đến đâu, cũng không được mặc áo tốt như một bông hoa nào trong giống đó»* (Ma 6: 28-29).

Lắm bạc phụ-nữ bỏ qua công-việc tề-gia nội-trợ, là bổn-phận quan-trọng của mình, mà như thế như thế cái gì cũng đều phó mặc cho đầy-tớ cả. Họ chỉ mải lo ăn-chơi, đua mặc quần-lành áo tốt, phí mất tiền-bạc và thì-giờ. Hễ họ thấy người thế-gian làm điều gì mới-lạ, thì cũng bắt-chước làm theo, chớ họ không chịu suy-xét sự mới-lạ ấy là ích-lợi hay tai-hại. Những người như thế chúng ta chắc không thể nhận là có giá-trị được.

Tôi biết có một bà giáo-sĩ kia là người học-thức uyên-thâm và có tài-năng lỗi-lạc. Bà làm việc gì cũng có ngăn-nấp, để cái gì cũng có thứ-tự. Lúc bình-minh bà đã dậy rồi. Trong lúc im-lặng và thanh-vắng bà đọc Kinh-Thánh

và cầu-nguyện. Sau đó, bà lệ-làng cầm chổi quét nhà, cất công-việc cho đầy-tớ, hăng-hái làm-lụng suốt ngày. Hết công-việc nhà, bà ra vườn hoa hái chum hoa nở, bón khóm cây xanh, bao giờ lòng bà cũng hớn-hở, vui-mừng. Ôi! Lắm tin-nữ thương cho công-việc bằng tay đó là nhỏ-mọn hèn-hạ, chẳng nên màng đến. Họ chỉ lo trang-diêm tấm thân và ham-mê cuộc đời lãng-mạn. Tiếc thay!

Chúng ta là tin-dồ của Chúa «đã được chuộc bằng giá cao rồi, vậy hãy lấy thân-thể mình làm sáng danh Đức Chúa Trời» (I Cô 6: 20). Hằng ngày ta nên vun-trồng cho cây đạo-đức của mình được xanh-tốt, và triu-mẫn «đều chi công-bình, đều chi thanh-sạch, đều chi đáng yêu-chuộng, đều chi có tiếng tốt, đều chi có nhơn-đức đáng khen» (Phil. 4: 8). Nếu Chúa ban cho ta thì-giờ, tiền-bạc, tài-năng, thì ta nên dùng để hầu việc Ngài. Vẫn hay rằng mình có quyền tự-do mà làm mọi điều, và chẳng chịu trách-nhiệm đối với ai hết, song mỗi việc ta làm phải «vì sự vinh-hiền của Đức Chúa Trời mà làm.» Xin nhớ rằng mỗi người chúng ta khi sau đều phải tính sổ ở trước mặt Chúa. Nếu ta tiêu-dùng tiền-bạc cách xa-xỉ quá, hoặc tiêu vô-ích, thì chắc không khỏi bị Chúa quở-phạt.

Vậy, cách phục-sức của nữ-tin-dồ cần phải thế nào? Phải ăn-mặc **đứng-dẫn, gọn-gẽ, đơn-sơ.** Đừng dùng sự hoa-mỹ. Phải để cho người ta hiểu rằng mình là người đạo-đức, hay ra-chuộng những sự chơn-thật. Điều cần nhất là phải nên «mặc trang-sức thánh mà thờ-lạy Đức Chúa Trời.» Ấy là qui hơn hết. Kết-luận bài này, tôi xin nhắc lại lời khuyên của ông Phao-lô: «Ta cũng muốn rằng những người đôn-bà ăn-mặc gọn-gẽ, lấy nét-na và đức-hạnh giới mình, không dùng những tóc gióc, vàng, châu-ngọc và áo-quần qui-giá, nhưng dùng việc lành, theo lẽ đương-nhiên của người đôn-bà tin-kính Chúa».—*Nguyễn-duy-Hữu*



KHẢO - CỔ - HỌC với KINH - THÁNH

CÁC TƯỜNG THÀNH GIÊ-RI-CÔ ĐỒ THẬT CHĂNG?

THƠ Hê-bơ-rơ 11: 30 chép như vậy: «**Bởi đức-tin, các tường thành Giê-ri-cô đổ xuống.**» Giáo-sư *Garstang* nói rằng: «**Bởi một cơn động đất...**» Dầu thế nào, cũng không có bàn tay loài người giờ ra hủy-diệt thành Giê-ri-cô. Người Y-sơ-ra-ên không hề dùng mai thường để đào sụt vùng đất đắp-mô ở chung quanh nền thành.

Ba mươi ba thế-kỷ về sau, người ta tìm được tường thành vẫn đồ sập y như ngày xảy ra biến-động lạ-lùng ấy; chẳng ai có thể dựa theo công-lệ thiên-nhiên mà cất nghĩa sự đổ sập thành Giê-ri-cô.

Giáo-sư *Garstang* nói thêm: «**Các tường-lũy đồ lật ra ngoài, vỡ tan-tành hết cả, do đường dốc mà dẫn xuống rồi tụ cao lên, nên dễ vào được trong thành. Phía trên thành có một đồng tro dày chừng 65 phân tây.**» Giô-suê 6: 17 chép rằng: «**Cái thành và mọi vật ở trong sẽ bị phủ dâng cho Đức Giê-hô-va như vật dâng diệt.**»

Giáo-sư *Garstang* cứ nói rằng: «**Dường như sau khi chiếm được thành, dân Y-sơ-ra-ên bèn thiêu thành đi để dâng làm tế-lễ đầu mùa của đất hứa cho Đức Giê-hô-va.**» So-sánh các vỏ hũ tìm được trong thành với các vỏ hũ trong những mộ-mả có ghi niên-hiệu, ta có thể nhứt-định thành Giê-ri-cô đổ sập nhằm thế-kỷ thứ mười lăm trước Chúa.

Trong công-việc binh-vực Kinh-Thánh, ta khó lường biết cuộc phát-mình lạ-lùng trên đây là quan-trọng dường nào! Nó cho ta một bằng-cớ hiển-nhiên xác-chứng cái biến-động mà bao kẻ hoài-nghi vẫn coi là một

phép lạ khó tin nhưt chép trong Kinh-Thánh. Hỡi những ai bấy lâu nghi-ngờ và muốn đánh đổ Kinh-Thánh, hãy biết rằng có vô-số bằng-cớ thiêng-liêng và vật-chất binh-vực Kinh-Thánh. Ai muốn phá hại Kinh-Thánh thì chỉ chuốc lấy sự hô-thẹn.—*S. S. Times.*

THÀNH XƯA, DẤU CŨ

Thật lạ-lùng thay là kết-quả của những công-cuộc đào-bới chung-quanh các thành-lũy rộng-lớn của xứ Phi-li-tin thuở xưa! Công-cuộc này hiện dương tiến-hành và ở dưới quyền quản-đốc của ông *Flinders* cùng bà *Petrie*. Xây từ 3000 năm trước Chúa, thành Ga-xa minh-chứng cho một nền văn-minh rực-rỡ.

Hai nhà quản-đốc trên đây viết như vậy: «**Việc đào-bới trong mấy tuần-lễ vừa qua làm chứng mạnh-mẽ rằng thành Ga-xa là một chỗ trọng-yếu trong những thế-kỷ đầu-tiên của lịch-sử tối-cổ. Có vô-số quả cân nhỏ bằng đá và theo lối cổ, tỏ ra rằng thành Ga-xa hay thông-thương với nhiều xứ tiếp-cận. Có vô-số hộp hung Ê-díp-tô, làm chứng rằng thành Ga-xa giao-thông với xứ Ê-díp-tô trong khoảng từ 3.000 năm đến 2.000 năm trước Chúa.**»

Hiện nay các cuộc phát-kiến do sự đào-bới nhọc-nhẫn bằng mai và thường đều chứng-thực cho truyện-tích Kinh-Thánh. Kinh-Thánh không buộc phải «**giờ gậy để binh-vực mình.**» Những di-tích đào được tại thành Ga-xa đem chúng ta trở lại quãng đời 3.000 năm trước Chúa, gần lúc Ca-in xây thành; vì Ca-in làm công-cuộc ấy chừng 4.000 năm trước Chúa (xem Sáng-thể Ký 4: 17-24).—*The Advent Witness.*



“EM VỀ NHÀ TÔI VỚI TÔI NHỚ!”

TRỜI mưa mãi. Ngoài đường vắng vẻ, ít người đi lại. Cô Nghĩa từ trường học về nhà, tay cầm dù (ô), tay cắp sách, đi rảo bước, lòng khoan-khoái lắm vì mới được bà giáo ban giấy khen là học-hành chăm-chỉ, tành-

Đức Chúa Jê-sus-Christ, là dạy rằng người ta phải yêu kẻ khác như mình. Ông bà Đức cũng hay bố-thí, cứu-giúp kẻ nghèo; cô Nghĩa bắt-chước gương tốt của ông bà, nên mới mười ba tuổi đầu mà đã có lòng thương-xót những



Cô Nghĩa an-ủi em Thu

nết rất tốt. Cô chắc rằng khi cha mẹ mình thấy tờ giấy đó, thì sẽ vui-mừng biết là dường nào.

Cô Nghĩa cứ đi, cứ đi. Hết một phố buồn-bán to, có nhà cao cửa rộng, cô đi qua một xóm của dân nghèo. Những người ở đây phần nhiều là thợ-thuyền kiếm ăn hằng ngày chẳng được bao nhiêu. Cô Nghĩa nghĩ rằng hôm nay trời mưa mãi, chắc họ không đi làm được, thì sao khỏi nỗi đói lòng. Cô là con một của ông bà tham Đức, nên được cha mẹ thương-yêu, qui-mến lắm, coi như viên ngọc trên tay. Dầu thương con, nhưng ông bà cũng biết dạy con ăn-ở xứng-dáng với đạo Tin-Lành của



Bà Đức nhận Thu làm con ruột

người nghèo-khổ. Qui-hóa thay!

◇ ◇
 Cô Nghĩa đi trước cửa một nhà tranh cũ rích, đã xiêu-veo nhiều chỗ. Cô bỗng nghe trong nhà ấy có tiếng trẻ con kêu-khóc rằng: «Má ơi! Má ơi! Sao mãi mà không về?» Tiếng kêu-khóc ấy thật là thảm-thiết, đau-dớn lắm, đến nỗi cô Nghĩa không sao dừng được, phải bước vào nhà ấy xem có sự gì. Cô vào nhà, chỉ thấy một cái giường tre trên trải một manh chiếu rách. Bên cạnh giường có một cái bàn đá một, trên bàn có cây đèn-dầu, bóng đèn khói ám đen kịt, mấy cái chén uống nước để lỏng-chổng và một cái bình nước.

Bên tường có một cái rổ đựng bát chén và mấy cái nồi dất. Thật là một cảnh nhà nghèo, nghèo không sao nói cho hết được. Nhưng cô Nghĩa vẫn chưa thấy đứa trẻ kêu-khóc. Cô phải đi vào nhà bếp, mới thấy một đứa trẻ ăn-bận rách-rưới ngồi trước một cái nồi đồng mà khóc. Nó chừng sáu bảy tuổi, đầu là con nhà nghèo, nhưng hai con mắt rất sáng-sủa và vẻ mặt rất thông-minh. Thấy vậy, Nghĩa động lòng thương, bèn hỏi rằng:

—Em đói sao? Bà má em đâu?

Con bé nín khóc, đáp rằng:

—Đói lắm, từ sáng chưa được ăn gì. Má đi làm từ sáng sớm, bây giờ chưa về.

—Thôi, em rán ngồi đây, tôi chạy ra tiệm mua cho em ít xu bánh dặng em ăn cho đỡ đói, hì!

Khi trở lại nhà đó, Nghĩa thấy một bà chừng bốn mươi tuổi, ăn-bận tồi-tàn, dương ôm con bé mà khóc nức-nở. Nghĩa thất-kinh, bèn hỏi có chuyện gì xảy ra. Bà kia lau nước mắt, thồn-thức nói rằng:

—Cô ơi, tôi không ngờ con cháu Thu này mới bảy tuổi đầu mà đã phải chịu lắm nỗi khổ-sở. Cha nó qua đời từ khi nó còn ở trong lòng mẹ. Nhà nghèo quá, ăn bữa tối, lo bữa sáng, mẹ nó phải may thuê và mượn nuôi con. Năm nay vì ít công-việc, nên mẹ nó đành phải để nó ở nhà một mình, hằng ngày đi làm phu ngoài bến tàu kiếm gạo. Tôi là đi ruột nó, cũng làm nghề ấy, thật vất-vả lắm. Sáng nay trời mưa, mẹ nó đi qua tắm vắn bắc làm cầu, chẳng may trượt chơn ngã xuống sông chết đuối. Bây giờ nó bơ-vơ một mình, nào biết trông-cậy vào ai?

Nói xong, bà ấy lại khóc nức-nở. Nghĩa động lòng thương, cũng òa lên khóc. Thật không có ai đủ lời tả đúng cái cảnh khổ-sở diễn ra trong lúc đó. Rốt lại, trong óc Nghĩa nảy ra một ý tốt, cô bèn đứng dậy, mạnh-bạo nói rằng:

—Bà ơi, bà không nên buồn quá, Đức Chúa Trời làm mọi sự tốt-lành. Tôi nhờ ông mục-sư của Hội Tin-Lành

có dạy rằng đến cuối-cùng chúng ta mới hiểu được tại sao Chúa để chúng ta chịu khổ. Bây giờ tôi có một điều muốn ngỏ với bà, xin bà suy-nghĩ xem nên bề nào. Bà má tôi giàu-có lắm, nhưng chỉ sanh được một mình tôi. Ông bà thương-yêu và chiều-chuộng tôi lắm, tôi xin gì cũng được ngay. Tôi muốn đem em này về ở nhà tôi, làm con của bà má tôi và làm em của tôi. Bà nghĩ sao?

Bà kia cảm-động lắm, đáp rằng:

—Di cháu tôi đội ơn cô nhiều lắm. Cô ơi, sao cô lại có tấm lòng tốt như thế?

—Bà ơi, ấy vì Đức Chúa Jê-sus là Chúa của lòng tôi. Ngài đã chịu chết vì tội-lỗi của tôi, nên tôi phải cứu-giúp kẻ cùng-khổ. Bà cũng nên tin theo Ngài.

Nói đoạn, Nghĩa xây qua phía em Thu, nắm hai tay nó mà rằng:

—Em về nhà tôi với tôi nhé!

◇ ◇ ◇ ◇

—Kia Nghĩa, sao con về trẻ thế? Hay lại bị phạt đấy?

Bà tham Đức tươi-cười hỏi con gái như thế. Tuy hỏi vậy, chớ thật ra bà biết rằng con gái yêu-qui của bà chẳng khi nào bị phạt. Nghĩa cũng tươi-cười đáp lại:

—Thưa má, bữa nay Đức Chúa Trời ban cho bà má một con gái nữa, và ban cho con một em. Con về trẻ vì phải đi đón em ấy.

—Con nói chi vậy? Má không hiểu.

Nghĩa bèn đem hết mọi sự thuật lại cho mẹ nghe, rồi nói tiếp:

—Em bé ấy đứng ngoài cửa kia, xin má vui lòng nhận em ấy làm con nuôi.

Chính lúc đó ông tham Đức cũng ở sở về, Nghĩa lại thuật cho ông nghe.

Ông bà cảm-động quá, ôm con vào lòng mà rằng:

—Bà má vui lòng theo ý của con.

Rồi ba người cùng ra ngoài cửa rước em Thu vào nhà. Ngày thứ hai sau, Thu đã ăn-bận tử-tế, cấp sách theo Nghĩa đi học. Ai hỏi Nghĩa, thì Nghĩa vui-vẻ đáp rằng:

—Ấy là em gái yêu-qui mà Chúa đã ban cho tôi!—*Đức-Đức-Tri Thuật.*

TỪ ẠP-RA-HAM ĐẾN GIA-CÔP

1. Ông Ạp-ra-ham là tổ-phụ dân nào? bảo ông làm gì?—Thưa, Ngài bảo ông
—Thưa, là tổ-phụ của dân Y-sơ-ra-ên. bỏ xứ Canh-dê, đi vào xứ Ca-na-an.
2. Ông sanh-trưởng ở đâu, và bao giờ? 4. Xứ Ca-na-an ở đâu?—Thưa, về

II.—CÁC XỨ TRONG KINH-THÁNH



—Thưa, ông sanh-trưởng tại thành-phố U-rô, xứ Canh-dê, về phía nam xứ Mê-sô-bô-ta-mi, độ chừng 1920 năm T. C.

phía tây châu Á này, trên bờ biển Mê-di-te-ra-nê, cũng gọi là Địa-trung-hải.

3. Đức Chúa Trời gọi Ạp-ra-ham và

5. Xứ Ca-na-an còn gọi là gì nữa?
—Thưa, là Palestine, vì các chi-phái

Phi-li-tin đời xưa có nước lớn tại đó.

6. Xứ Ca-na-an có hồ hoặc biển nào không?—Thưa, có ba biển nhỏ, tức là: (1) về phía bắc, một hồ nhỏ tên là Mê-rôm, rộng một cây số; (2) về phía bắc cũng có biển Ga-li-lê rộng ba cây số, dài năm cây số; (3) phía nam có Biển Muối, cũng gọi là Biển Chết, rộng năm cây số, dài mười lăm cây số.

7. Sao gọi Biển Muối là Biển Chết?—Thưa, vì nước biển ấy mặn lắm, không có cây-cối, thỏ-sản gì mọc ở bờ biển ấy được; nước biển có nhiều chất hóa-học. Đất chung-quanh cũng mặn lắm.

8. Tại sao có nhiều chất hóa-học tại đó?—Thưa, vì biển ấy là một biển thấp nhất thế-gian, thấp hơn biển Mê-di-te-ra-nê 430 thước tây. Chỉ có nước chảy vào, chứ không có nước chảy ra, nên muối và chất hóa-học từ khắp cả xứ chảy vào, đọng lại ở đó, cho nên biển ấy càng ngày càng mặn hơn.

9. Khi Áp-ra-ham bỏ thành U-rơ, xứ Canh-đê, thì ông ra đi một mình chăng?—Thưa, cả nhà ông cùng đi, và cũng có cháu ông là Lót nữa.

10. Sau ông Lót ra thế nào?—Thưa, ông Lót lia-bỏ ông Áp-ra-ham, đến ở thành Sô-dôm ở trên bờ biển Muối, là một thành-phố rất đẹp-đẽ, nhưng xấu-xa độc-ác trước mặt Chúa. Thời đó nước Biển Muối còn ngọt, chứ chưa bị đổi ra mặn độc (Sáng 13: 10-13).

11. Lúc bấy giờ Sô-dôm và Gô-mô-rơ bị hình-phạt thế nào?—Thưa, Đức Chúa Trời làm mưa ra diêm-sanh và lửa từ trên trời xuống, như có chép trong Sáng 19: 23-29. Từ lúc ấy cả địa-hạt vẫn còn xấu-xa ghê-gớm.

12. Áp-ra-ham cứ ở trong xứ Ca-na-an không?—Thưa, không; tuy ông thường thường ở tại Hếp-rôn, nhưng có một lần ông đã xuống xứ Ê-díp-tô.

13. Ông đã dâng con trai một, là Y-sác, cho Chúa trên núi nào?—Thưa, trên núi Mô-ri-a, như có chép trong Sáng 22: 2. Mô-ri-a về sau thành một địa-hạt ở trong thành Giê-ru-sa-lem.

14. Sau Áp-ra-ham sai đầy-tớ đi đâu

để hỏi vợ cho Y-sác?—Thưa, đầy-tớ của ông phải về đến Cha-ran, chỗ giáp-giới xứ Mê-sô-bô-ta-mi với xứ Ca-na-an, như có chép trong Sáng 11: 27-32 và 24: 1-67.

15. Sau khi Áp-ra-ham qua đời, thì Y-sác ở đâu?—Thưa, Y-sác cứ ở luôn trong xứ của mình, là Ca-na-an, và sanh được hai con ở đó.

16. Con út Y-sác là Gia-cốp, vì đánh lừa cha và chiếm đoạt của anh mình, thì phải đi đâu?—Thưa, phải chạy trốn về Cha-ran, cưới vợ và sanh con ở đó, mãi hơn 20 năm về sau mới về Ca-na-an.

17. Về sau Gia-cốp có ở luôn trong xứ Ca-na-an không?—Thưa, về sau một con của Gia-cốp, là Giô-sép, bị các anh mình bán làm tôi-mọi ở xứ Ê-díp-tô; nhờ ơn-phước của Chúa, Giô-sép trở nên một quan toàn-quyền tại đó, và đã tha tội cho các anh ruột mình, lại mời cả nhà xuống Ê-díp-tô hưởng sự phú-quí, theo như Sáng đoạn 37, 39-50.

18. Giô-sép bị bán xuống xứ Ê-díp-tô độ chừng năm nào?—Thưa, chừng 1729 năm T. C.

19. Cả nhà Gia-cốp là bao nhiêu người đã xuống Ê-díp-tô?—Thưa, gồm cả là 70 người xuống xứ Ê-díp-tô, độ chừng năm 1706 T. C.

20. Xứ Ê-díp-tô ở đâu, và có hình thế nào trên bản-đồ?—Thưa, xứ Ê-díp-tô ở về phía đông-bắc châu Phi, coi hình như tay người, vì xứ ấy chỉ có một con sông, là sông Nil chảy tới biển Mê-di-te-ra-nê thì chia ra làm nhiều ngả như những ngón tay người vậy.

21. Xứ Ê-díp-tô có tên nào khác không?—Thưa, có khi gọi xứ ấy là Ai-cập, người Pháp gọi xứ ấy là *Egypte*.

22. Gia-cốp và dòng-dõi ông có ở đó mãi mãi không?—Thưa, Gia-cốp chết ở đó, nhưng xác thì chôn ở Ca-na-an theo Sáng 50, và dòng-dõi của ông là dân Y-sơ-ra-ên kiển-ngự trong xứ Ê-díp-tô 430 năm rồi mới về Ca-na-an.

23. Sao gọi dòng-dõi Gia-cốp là «Y-sơ-ra-ên»?—Thưa, vì Đức Chúa Trời đổi tên Gia-cốp, chứ ông ấy tên mới là «Y-sơ-ra-ên».—*Chi Hoa-Hồng.*

GIẢI NGHĨA KINH-THÁNH

II TÊ-SA-LÔ-NI-CA

MỤC-SƯ H. H. HAZLETT

(Tiếp theo)

4. Lời cầu-nguyện của Phao-lô (11, 12).—Trên câu 3 chúng ta đã thấy ông Phao-lô thực-hành lời ông khuyên-bảo phải cảm-tạ, và ở đây ông cũng làm theo lời ông đã dạy về sự cầu-nguyện không thôi (I Tê 5: 17). Hai chữ «cho nên» tiếp nối với mấy câu ở trên và tỏ ra mục-dịch cùng nguyên-nhơn sự cầu-nguyện này, tức là vì Chúa sẽ được sáng danh trong các thánh-dồ nên họ phải «xứng-dáng với sự gọi của Ngài» (xem Êph. 4: 1; II Ti 1: 9). Chữ «gọi» ở đây chắc chỉ về sự gọi chung của mọi tín-dồ ở trong Đức Chúa Jê-sus-Christ hơn là sự gọi riêng của người nào bởi Đức Thánh-Linh. Theo bản khác, chữ «khiến» cũng dịch là «kể»; nhưng nếu ta muốn được kể là xứng-dáng với sự gọi của Chúa, thì chắc phải nhờ quyền-phép Ngài làm trọn trong ta «mọi ý-dịnh thương-xót của lòng như Ngài và công-việc của đức-tin.»

Trong câu 12 ông Phao-lô lại nhắc đến số-phận vinh-hiễn tương-lai của chúng ta với Đức Chúa Jê-sus, tức là Ngài sẽ được sáng danh trong chúng ta, còn chúng ta sẽ được vinh-hiễn trong Ngài. Hễ Chúa đã làm ra điều gì trong chúng ta, là các chi-thể của Ngài, thì theo lẽ cố-nhiên cái Đầu, tức là Ngài, như đó sẽ được vinh-hiễn. Cũng một thể ấy, vì chúng ta là các chi-thể của Ngài nên cũng sẽ hưởng chung sự vinh-hiễn của cái Đầu.

ĐOẠN HAI

1. Phao-lô lấy lẽ đạo qui-báu về Hội-Thánh hội-hiệp với Đấng Christ khi Ngài tái-lâm để sửa lại

ý-kiến sai-lầm của tín-dồ Tê-sa-lô-ni-ca (1, 2).—Có lẽ trong cả bộ Kinh Tân-Ước ít có khúc sách nào tín-dồ hiểu mập-mờ bằng đoạn này. Sớ-dĩ có như vậy là vì trong hai câu này ông Phao-lô lấy những điều họ đã biết về sự tái-lâm của Chúa để bẻ-bác sự dạy-dỗ sai-lầm của bọn giáo-sư giả-dối kia, là kẻ dạy rằng: «Ngày của Chúa đã đến rồi» (xem lại phần «Cộng-hội viết thư»). Và lại, vì có bản quốc-ngữ dịch phần chót câu 2 rằng: «Ngày Chúa gần đến,» nên có người tưởng lầm Phao-lô muốn tỏ cho họ biết Chúa không thể đến liền; song nếu dạy như vậy thì rất là tương-phản với lắm câu khác, vì chính mình ông Phao-lô, các sứ-dồ khác cùng Đức Chúa Jê-sus đều đã nhiều lần dạy rằng Ngài có thể đến thình-lình. (Ma 24: 44; 25: 13; I Cô 15: 52; I Tê 5: 2; Khải 3: 11; 22: 7, 12, 20). Vậy, đại-ý của hai câu này là ông Phao-lô nhắc lại mọi điều ông hoặc đã dạy họ khi Hội-Thánh này mới sáng-lập (câu 5), hoặc đã chép ở bức thư thứ nhất về Đức Chúa Jê-sus sẽ cất tin-dồ lên với Ngài khi Ngài ngự xuống khoảng-không (4: 13-18). Và lại, vì việc ấy là sự khởi-thủy «ngày» của Chúa, thì họ chẳng nên bối-rối và kinh-hoảng quá như thế. Theo những điều chúng ta đã học về đoạn năm của I Tê-sa-lô-ni-ca, thì ta hiểu rằng «ngày của Chúa» tuy có chỗ chỉ về chính ngày Đức Chúa Jê-sus sẽ tái-lâm, song ở đây chỉ rõ về thời-kỳ sẽ bắt đầu với sự tái-lâm ấy rồi đến sự phán-xét cuối-cùng (sau một ngàn năm bình-an) thì mới mãn.

2. Hai dấu-hiệu về sự bắt đầu ngày của Chúa (3-12).—Trong hai câu đầu ông Phao-lô ngụ-ý dạy rằng nếu Đức Chúa Jê-sus đã tái-lâm và «ngày Chúa» đã khởi đầu rồi, thì các tín-dồ Tê-sa-lô-ni-ca không còn ở thế-gian để chịu khổ; vậy nên họ không có cơ mà «vội bối-rối và kinh-hoảng» đâu. Lời ấy cũng đủ bề-bác sự sai-lầm của những giáo-sư kia, nhưng ông sử-dồ lại dạy thêm về hai điều ông đã dạy cho họ rồi (câu 5); vì hai điều này là dấu-hiệu rõ-ràng về nước của Antichrist.

(1) «Sự bỏ đạo» (3^b).—Tham-khảo Ma 24: 10-12; Giăng 5: 43; I Ti 4: 1, 2; II Ti 4: 3, 4; II Phiê 2: 1, 2. Hiện nay chúng ta đã thấy có nhiều người bỏ đạo của Chúa, song khi Hội-Thánh được cất đi rồi thì mới có sự bỏ đạo thật, tức là sự bỏ đạo khắp thiên-hạ, vì lúc bấy giờ chỉ còn có người vô-đạo ở trên mặt đất thôi. Hiện nay đã có đông người theo vô-thần chủ-nghĩa rồi, nhưng lúc bấy giờ chủ-nghĩa ấy sẽ truyền khắp nơi, và ngoài sự thờ-lạy con thú cùng hình-tượng nó thì chẳng có sự thờ-phượng nào hay là tôn-giáo nào khác nữa (Khải 13: 12, 15, 16).

(Còn tiếp)



(Tiếp theo)

MỤC-SƯ J. DRANGE OLSEN

c. Sự tự-chế rất cần-yếu, 9: 24-27.

1. Thí-dụ về sự chạy đua (câu 24, 25).—Trong bốn câu chót của đoạn 9 này, Phao-lô dùng thí-dụ về cuộc chạy đua để dạy rõ hơn rằng sự tự-chế, sự khắc-kỷ, sự từ-bỏ mình đi là rất cần-yếu cho tín-dồ nào muốn đạt đến mục-dịch của đời sống mình đang lãnh phần thưởng của Đức Chúa Trời đã dành cho tín-dồ trung-thành.

a) Về cuộc chạy đua.—Đời thượng-

cổ, bên nước Hi-lạp thường năm có những cuộc chơi gọi là *Olympiques* và *Isthmiques*. Cái trường đua của các cuộc chơi *Isthmiques* ở gần thành Cô-rinh-tô, tại eo đất liên-tiếp bán-đảo *Pélonèse* với đại-lục; cũng tại chính cơ ấy mà được biệt-danh là cuộc chơi *Isthmiques* (cuộc chơi eo đất) vậy. Cuộc chạy đua là cuộc chơi quan-hệ hơn hết của các cuộc chơi ấy; lắm người từ bốn phương đua nhau đến hoặc dự-thí, hoặc thưởng-lâm. Cuộc chơi này kích-lệ rất nhiều người vô-luận thuộc trong hạng nào, nô-nức chen nhau đến dự, thậm-chỉ các hoàng-đế La-mã cũng coi trọng mà ngự-giá đến dự-thí nữa. Người nào chiếm được giải vô-dịch trong cuộc đua ấy ắt được danh-tiếng vinh-hiền trước mặt cả thiên-hạ, được liệt vào hạng đại-anh-hùng của đời. Đường ấy, khi Phao-lô dùng thí-dụ này để dạy làm hình-bóng về đời thiêng-liêng của tín-dồ, thì người Cô-rinh-tô hiểu ý-nghĩa rõ-ràng lắm và rất cảm-động.

b) Sự cần-yếu cho kẻ chạy đua (câu 24, 25).—Trong câu 24 và 25 Phao-lô bày-tỏ ra hai sự rất cần-yếu cho kẻ chạy đua. Hễ ai không chú-trọng về hai điều ấy, quả không thể nào chiếm giải được.

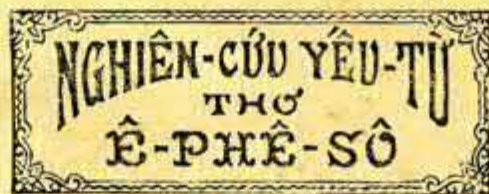
(1) Phải chạy theo điều-lệ của cuộc chạy đua (câu 24).—«Anh em há chẳng biết rằng trong cuộc chạy thi nơi trường đua, hết thầy đều chạy, nhưng chỉ một người được thưởng sao? Vậy, anh em hãy chạy cách nào cho được thưởng.» Tuy nhiều người dự-thí, hết thầy đều bắt đầu chạy một lượt tại mục giám-cuộc đã định, nhưng chỉ lo chạy không đủ, còn phải vâng theo điều-lệ của cuộc chạy thi nữa; cũng phải chạy luôn cho đến mục cuối-cùng và phải chạy mau hơn mọi kẻ cùng đua, mới mong chiếm giải quán-quân. Kẻ nào khi-sự chạy mà trái luật của cuộc chạy đua hay là ngừng lại ở giữa đường, ắt không thể hưởng được phần thưởng bao giờ.

Vả, đời xưa trong nước Hi-lạp, khắp các nơi đô-hội đều có một trường thể-thao. Kẻ muốn dự cuộc tranh-đua, hoặc chạy đua người hay là đua vật, đều buộc phải lo thao-luyện và học các điều-lệ về cuộc tranh-đua trước đã. Đến khi phải vào cuộc chạy thi, thì người giám-cuộc bắt người dự-thi phải thề rằng mình đã thao-luyện trọn 10 tháng trong trường thể-thao kia rồi. Cũng buộc người phải cam-đoan rằng mình sẽ giữ theo điều-lệ của cuộc chạy đua (Xem II Ti 2 : 5 và I Ti 4 : 7, 8). Hễ ai được phép vào cuộc đua, dầu chạy giỏi mà lúc khi-sự đã trái điều-lệ rồi, thì dầu rán chạy đến chung-cuộc cũng chẳng được gì hết, duy chịu sự hổ-thẹn buồn-bã mà thấy kẻ khác giựt lấy mào triều-thiên của mình đó thôi.

Đời thiêng-liêng ta thật như cuộc chạy đua. Tin-đồ Cô-rinh-tô và chúng ta hôm nay là kẻ đã được ơn dự vào cuộc chạy đua này. Cuộc này có một điều khác với cuộc kia : Trong cuộc đua thể-gian chỉ một người được giải thưởng mà thôi, còn trong cuộc đua thiêng-liêng hết thầy mọi người chạy đều có thể được phần thưởng cả. Song có mấy điều sau này ta thấy hai cuộc ấy giống nhau : Muốn đắc-thắng thì phải vâng-giữ theo điều-lệ của cuộc chạy đua. Tin-đồ nào không khứng theo ý-chỉ của Đức Chúa Trời trong mọi sự, mà lại cứ ăn-ở theo ý riêng mình, quả không hề giựt được phần thưởng bao giờ, song chỉ bị loại ra ngoài, phải hổ-thẹn, chịu sỉ-nhục khi thấy kẻ khác chiếm lấy mào triều-thiên của mình. Mà cũng phải cứ chạy luôn; vì bằng ngừng lại giữa đường, bỏ thi-giờ vô-ích mà dòm-xem hoặc kẻ cùng đua hoặc khán-quan, chắc cũng không thể nào đạt đến mục-dịch. Nên Pha-olô, như kẻ giám-cuộc kia, đứng ở đầu trường đua mà nghiêm-khuyến tin-đồ Cô-rinh-tô và chúng ta rằng : «Hỡi anh chị, hãy chạy cách nào cho được thưởng!» Thánh Giảng cũng đồng ý

ấy mà khuyên rằng : «Hãy giữ lấy đều người có (tức lời của Chúa, điều-lệ của cuộc đua ta), hầu cho không ai cất lấy mào triều-thiên của người» (Khải 3:11).

(Còn tiếp)



(Tiếp theo)

MỤC-SU W. A. PRUETT

Ê-PHÊ-SÔ 5 : 8.—«**Hãy bước đi như các con sáng-láng.**» Từ-liệu «con-cái của sự sáng» do chính Chúa Jê-sus đặt ra (Xem Giảng 12 : 36). Chúa Jê-sus là «sự sáng của thế-gian,» và khi chúng ta giao-thông, liên-lạc với Ngài thì cũng được ánh sáng rực-rỡ của Ngài soi suốt trong mình. «Sự sáng» chỉ về sự thánh-khiết, ngay-thẳng, nhơn-đức, và ta thấy sự sáng kết quả tốt-đẹp bằng «mọi điều nhơn-từ, công-bình và thành-thật» (câu 9). «Nếu chúng ta đi trong sự sáng, cũng như chính mình Ngài ở trong sự sáng, thì chúng ta giao-thông cùng nhau, và huyết của Đức Chúa Jê-sus, Con Ngài, làm sạch mọi tội chúng ta» (I Gi. 1 : 7).

Câu 11.—«**Chớ dự vào công-việc vô-ích của sự tối-tăm.**» Sự sáng ví như cái cây sống sanh trái tốt-đẹp; song sự tối-tăm ví như một cái cây chỉ «choán đất,» chớ không bao giờ sanh bông-trái được; nó như đờn-bà son-sẽ vô-hậu. Xem trong Sáng-thể Ký, thì thấy mọi điều Chúa dựng nên có sanh-sản cả; ấy vì Ngài là căn-nguyên của sự sống rất mạnh-mẽ và hay sanh-sản. Nhưng trái lại, mọi công-việc của ma-quỉ là sự tối-tăm, âm-thấp chỉ sanh ra sự chết mà thôi. Như ánh của sự sáng tự-nhiên phải đuổi sự tối-tăm ra chớ không khi nào làm bạn với nó được, thì «con-cái của sự sáng» chẳng những không nên «giao-thông» với sự tối-tăm hay là công-việc chết của nó,

lại cũng có phận-sự phải «quở-trách chúng nó thì hơn.»

Câu 11, 12.—«**Quở-trách chúng nó thì hơn; vì dầu nói đến... cũng đã là hồ-thẹn rồi.**» Đối với những việc bí-mật và xấu-xa của thế-gian, tín-dồ có trách-nhiệm lớn lắm. Ta không nên ngậm miệng và nín-lặng, cũng không nên tò-mò ưa-thích thuật lại cho người khác nghe những điều khả-bĩ ấy như nhiều báo thế-gian hay làm; song các thánh-đồ của Đấng Christ nên dùng

cái năng-lực trong đời sống vô-tội của mình cùng Lời thánh và linh-nghiệm của Chúa để tỏ-bày và bêu xấu những điều ô-đồ của tội-lỗi. Đừng nói thuật song hãy nói nghịch các điều ấy.

Câu 13.—**Đã quở-trách những điều tối-tâm bởi đem sự sáng của Chúa mà phô-bày ra, thì sự tối-tâm tất-nhiên không còn.** Nếu đã được tỏ ra rồi thì thuộc về sự sáng. Hãy dạy-dĩ dùng sự sáng mà chống-cự với sự tối-tâm, thì sự tối-tâm phải trốn. (Còn tiếp)

DƯỚI NGÔI VIẾT CỦA NHÀ LÃNH-TỤ

SỢ GÌ? CHÚA Ở CÙNG TA

«*Này, Ta ở cùng các ngươi mọi ngày cho đến tận-thế*» (Ma-thi-ơ 28 : 20)



A. B. SIMPSON

NGUUYÊN-VĂN là «mọi ngày,» chứ không phải là «luôn.» Mỗi ngày Ngài đến cùng chúng ta mà ban cho một phước mới. Mỗi buổi sáng và hết ngày này sang ngày khác, Ngài đi cùng chúng ta, đối với

chúng ta theo tình yêu-thương chẳng hề làm cho chán-ngán, và ban cho chúng ta một ơn-phước chẳng hề già-cũ.

Ngài ở với chúng ta «mọi ngày,» nghĩa là mãi mãi không thôi. Không có ngày nào tối-tâm, buồn-tẻ, khô-khan mà anh em không thấy Ngài ở cùng mình. Có khi cũng như hai môn-đồ trên đường Em-ma-út, anh em không nhận-biết Ngài. Nhưng kia, anh em tự thấy lòng mình được nhen nóng lại, tình yêu-thương được đức-dấy, Kinh-Thánh hóa ra mạnh-mẽ lạ-lùng, mỗi lời hứa dường như vang-động bên tai mình, trở nên thiết-thực bội phần và đầy-dẫy quyền-năng thiên-thượng! Nhờ đó, anh em biết rằng Chúa ở cùng mình.

Nguyện Đức Chúa Trời cho chúng tôi từ nay trở đi càng thật nhận-biết «hiện-diện hằng sống» của Đấng

Christ! Hoặc cảm-biết chắc-chắn Chúa hiện-diện (như các môn-đồ xưa kia đã cảm-biết trong bốn mươi ngày vinh-hiền sau khi Chúa sống lại), hoặc phải cứ làm bòn-phận và lấy đức-tin đơn-sơ mà đi tới những ngày tương-lai (như các môn-đồ xưa kia đã đi suốt một đời), thì chúng ta ít ra cũng phải nhận-biết một thực-sự vĩnh-viễn, là **NGÀI Ở CÙNG CHÚNG TA.** Hiện-diện của Ngài vẫn thật có, mặc dầu ta không thấy; không cứ lúc nào chúng ta có cần, thì Ngài cũng sẵn-sàng tỏ mình để cứu-giúp chúng ta. —A. B. Simpson, *Thần-khoa Tân-sĩ.*

QUẢN-QUẢN TRUYỀN-ĐẠO

(Tiếp theo trang 233)

Nếu gắng sức tìm-kiếm bí-quyết của ông *Spurgeon*, thì chúng ta phải kể đến giọng nói và điệu-bộ của ông. Hai cái ấy là phần cốt-yếu của thuật diễn-giảng. Chính ông *Spurgeon* cũng tự nói về mình rằng: «Tôi không phải là nhà diễn-thuyết, nhưng tôi chỉ nói cho anh em biết những điều từ lòng tôi văng ra.» Quả thật, nói được như thế chính là có tài diễn-thuyết; còn khi *Spurgeon* nói như thế, thì ta thấy ông phô-diễn một nghệ-thật tự-nhiên, hoàn-toàn và rất đáng khen. (Còn tiếp)



NÓI ĐỐI NỬA LỜI ĐƯỢC KHÔNG?

(Tiếp theo và hết) 47

Khoa-học khám-phá sự nói dối

CÔNG-LỆ thiên-nhiên vẫn đúng-chắc luôn vì nó do Đức Chúa Trời thiết-lập để cai-trị muôn vật lạ-lùng của Ngài đã dựng nên. Những công-lệ cai-trị các tinh-tú chắc-thật đến nỗi trước mấy năm và mấy thế-kỷ nữa nhà khoa-học có thể tính đúng giờ nào phút nào sẽ có nhật-thực. Mới đây khoa-học tỏ ra lẽ thật «đính vào» cõi thiên-nhiên đến nỗi nếu người ta nói dối thì chính máu trong thân-thể họ sẽ tố-cáo họ. Nhà khoa-học mới chế được một cái máy tên là *Keeler Polygraph*, hoặc «máy tố ra sự nói dối». Nó giống như cái máy của thầy thuốc dùng để thử mực máu chạy trong thân người. Họ buộc cái máy vào cánh tay của người bị tình-nghi là nói dối. Rồi quan-đọc-thăm tra-hỏi một cách bình-lĩnh, thông-thả. Nếu người tù nói dối, thì máu người bỗng chạy mau; sự ấy được tỏ ra bởi kim máy vẽ những hàng cong-queo trên giấy. Người tù có thể giữ bộ mặt thân-nhiên; nhưng nếu nói dối để mong giấu tội mình, thì người không thể nào giữ cho máu chạy theo mực thường được. Máu sẽ sôi lên vì người sợ bị phạt.

Cũng có thứ thuốc cho tội-nhơn uống, thì hẳn phải xưng hết tội-lỗi. Chính là thuốc *scopolamine*. Thuốc này không phạm đến trí nhớ, sự nghe và sự nói của người bị tra-hỏi, nhưng có linh-nghiệm lạ-lùng, là tạm cản-trở cái phần trong khối óc vẫn chuyên bày-đặt chuyện dối-trá để bình-vực mình. Thành-thử tội-nhơn bất-đắc-dĩ phải nói thật và xưng hết tội-lỗi.

Khoa-học còn có thể tỏ ra sự nói dối như thế, huống chi Đức Chúa Trời, Ngài há lại chẳng biết ai nói dối dẫu chỉ một ít mà thôi sao? Chúng ta là tín-đồ, nên quyết bao giờ cũng «nói thật, nói cả sự thật, và chẳng thêm bớt chút gì.»

Ý của hai viên võ-tướng

Đại-tướng *Jackson* yêu-chuộng lẽ thật đến nỗi hề lỡ nói lầm đều gì, dẫu là một việc nhỏ-mọn đến đâu, cũng không tiếc công sửa lại. Một ngày kia, bạn ông hỏi rằng:

—Có lý nào lúc trời đang mưa, ông lại đi bộ một cây số vì một việc nhỏ-mọn thế?

Ông đáp:

—Áy chỉ vì tôi đã trót nói sai-lầm, nên không thể ngồi yên được cho đến chừng tôi đã sửa lại lời sai đó.

Một viên tướng khác, ông *Gordon*, có viết thư cho người chị rằng: «Nếu chị nói thật, chị sẽ được quyền-lực vô-song nâng-dỡ chị; trái lại, nếu nói dối, sẽ có quyền-lực vô-song chống-trả chị. Dẫu ta có thể tạm-thời phình-gạt được loài người, nhưng không thể phình-gạt được Chúa dẫu. Ăn-ở giả-dối với Ngài, thật đại-dột lắm!.... Ôi! Tôi khuyên chị khả ngay-thẳng trong mọi việc. Nết-na ấy giống như thất lưng giúp thêm mạnh sức để đi trong mọi đường-lối trên đời.»

Đạo Tin-Lành dạy khác các đạo

Các tôn-giáo khác thường đứng cả hai bên, chỉ đạo Tin-Lành đứng riêng một mặt. Đạo Đấng Christ không dung nửa lời nói dối. *Mohomet* cho phép đôn-bà nói dối miễn là cứu được sự

sống người và trong lúc chiến-trận. *Knishna*, thần của dân Ấn-độ, cho năm thứ nói dối là vô-tội. Ông Khổng-tử cũng bình-vực sự nói dối (*Phụ vị tử ân, tử vị phụ ân; trực tại kỳ trung*—Cha giấu cho con, con giấu cho cha; sự ngay-thẳng ở trong đó).

Ái tưởng tùy dịp được phép nói dối thì dễ giao-thông với mọi người ngoại-đạo. Họ cũng có sẵn một mớ lời nói dối rồi, chỉ cần thêm các lối riêng của mình vào thôi! Tin-đồ nào thích giao-thông với bọn đó, mặc kệ, nhưng họ bị Đức Chúa Jê-sus cáo-trách nặng-nề mà quyết cho là bọn ma-quỉ!

Augustin, một thánh-dồ xưa, đã nói: «Dầu dễ cứu người khỏi bị thương cũng không được phép nói dối.» Ông hỏi rằng nếu vì sợ anh em bị thương mà mình được phép nói dối đến nỗi làm cho linh-hồn hư-mất, thì sao không nên cũng vì có đó mà phạm tội ngoại-tình hoặc các tội khác? Có lẽ mình lấy làm khó xử trong khi gặp trường-hợp này: Không nói dối thì bạn phải chết! Nhưng ít khi gặp việc như thế. Mà có gặp đi nữa, cũng nên chọn theo lẽ thật, mặc dầu khó-khăn, nguy-hiểm lắm.

Không ai dám tin một người đã nói dối

Hỡi các bạn nam nữ thiếu-niên, tuổi xuân hi-vọng! Khả xây lẽ thật làm nền-tảng của tánh-nết mình. Dầu có nhiều đức tốt khác có thể giúp cho tánh-nết được cao-thượng, sáng-láng hơn, nhưng nếu thiếu lẽ thật, thì mọi đức-tánh ấy sẽ héo như hoa đã lia cành! Chịu mất mọi sự khác để giữ lấy tánh ngay-thẳng, thế mới thật là quý như!

Ái luôn có tiếng là người ngay-thẳng, thật-thà trong mọi việc, nấy sẽ được người ta nhờ-cậy mình. Thiếu đức-hạnh ấy, mọi tài-năng khác cũng không ích gì! Nghe này, người ta hỏi nhau:

—Ông ấy có tánh siêng-năng và có tài không?

—Có!

—Thế ông ấy có ngay-thẳng, có thể nhờ-cậy được không?

—Ôi thôi! Tôi tiếc về sự đó quá! Không dám nhờ-cậy ông ta. Phải coi chừng, nếu không cẩn-thận, sẽ bị ông ta tìm dịp phỉnh-gạt đấy!

—Nếu vậy, tôi không dám dùng ông ấy làm việc gì cả.

Nhiều người nói dối vì sợ-hãi. Thế cũng là đại-dột quá đỗi. Sự giả-dối, phỉnh-gạt chỉ giúp ích được một lúc thôi, nhưng để ra lắm sự khó-khăn về lâu về dài. Người bạn ông ghen-ghét, nghi-ngờ ông mãi vì chẳng biết lúc này ông có nói thật không.

Cong-queo là dấu-hiệu nói dối

Đặt dấu-hiệu nói dối với người cảm điếc, người ta phải dùng hàng thẳng để chỉ về sự nói thật, hàng cong-queo để chỉ về sự nói dối. Hàng thẳng bằng nhau luôn, hàng cong nhiều lần có thể đổi khác hình.

Muốn có tánh-nết vững-chắc, ta phải yêu-chuộng lẽ thật luôn, thì mới được bình-yên. Càng giấu lẽ thật bao nhiêu, lạ thay, nó càng tìm thế nỏ ra tung-toé bấy nhiêu! «Lấy thúng úp voi,» giấu đầu thì lại hở đuôi, thật khó phỉnh-gạt người ta được mãi. Nếu ta giấu kim trong túi, ắt chẳng kịp thì chầy mũi nhọn sẽ thò ra.

Phương thuốc chữa khỏi nói dối

Các bạn độc-giả ơi! Tôi hết lòng khuyên các bạn tránh khỏi giả-dối. Thà mất mọi sự còn hơn quăng bỏ lẽ thật. Ôi, Nói Dối, nó như rắn độc, ta phải tránh xa! Nó như cái công đạ-ngục, ta chớ bước vào! Các đấng tử-đạo thà chọn lấy cái chết còn hơn được sống bởi phải nói dối. «Thác trong hơn sống đục,» chính là thế đó. Nguyên chúng ta hiệp một với các bậc cao-trọng ấy! Khả lấy lời Thánh Phao-lô làm câu châm-ngôn treo bên chỗ ngồi: «Phàm đều chỉ chơn-thật, đều chi đáng tôn, đều chi công-binh..., anh em phải nghĩ đến.» Nhưng làm thế nào để giữ luôn được lẽ thật suốt đời? Chỉ có một cách: Tin Đức Chúa Jê-sus, Đấng đã phán: «Ta là đường đi, lẽ thật và sự sống.»—*Bà C. soạn.* X



Gia-Đình Lễ-Bái

(BÀI HỌC CHÚA-NHẬT)



BÀ W. A. PRUETT

Từ 30 Juin đến 6 Juillet 1935

PHÉP LẠ HÓA BÁNH VÀ CÁ

(Giăng 6: 1-15—đọc 6: 1-71)

CÂU GỐC:—Ta là bánh của sự sống; ai đến cùng Ta chẳng hề đói, và ai tin Ta chẳng hề khát

(Giăng 6: 35)

NGÀY CHÚA-NHẬT, 30

Hát một bài rồi đọc Sứ-đồ 9: 23-43

Lời mở dăng (Giăng 6: 1-4).—Việc ở đoạn 5 cách việc ở đoạn 6 ngót một năm. Đoạn 5 chép về Chúa Jê-sus ở tại Giê-ru-sa-lem, còn qua đoạn 6 thì Ngài đã đến xứ Ga-li-lê. Chúa Jê-sus cùng môn-đồ Ngài đã đến nơi lịch-mịch dưới chơn núi, bóng mát trên bờ biển Ga-li-lê, để tạm nghỉ-ngơi; nhưng danh-tiếng Chúa đã vang-lừng khắp chốn đến nỗi «một đoàn dân đông theo Ngài» vì từng thấy các phép lạ Ngài làm cho những kẻ bệnh. Họ muốn thấy Chúa làm phép lạ nhiều hơn. Song họ tin bởi tri-thức, chớ không phải bởi lòng hiểu thấu ý-nghĩa thiêng-liêng hoặc nhận-biết thần-tánh của Đấng Christ. Nhìn Chúa, họ chỉ thấy người làm phép lạ, chớ không thấy Đấng Mê-si của Y-sơ-ra-ên hay là Đấng cứu tội-nhơn. Theo Chúa sai mục-đích như vậy, đoàn dân có làm phiền Ngài không? Không, trái lại, Chúa chịu cảm-động và thương-xót họ, bèn tỏ cho họ biết Ngài là Bánh hằng sống và là Đấng ban cho rộng-rãi.

Câu hỏi.—Dân đông theo Chúa vì ý gì?

Đọc chung câu gốc rồi cầu-nguyện.

NGÀY THỨ HAI, 1^{er}

Hát một bài rồi đọc Sứ-đồ 10: 1-23

Giải nghĩa Giăng 6: 5-7.—Tuy dân Y-sơ-ra-ên chẳng biết Chúa Jê-sus và lòng không hướng về Ngài, song Chúa vẫn thương-xót họ lắm. Chúa dường như nghĩ ngay đến sự cần-yếu của họ, nhưng Ngài cũng có ý dùng phép lạ ấy để tỏ ra thần-tánh của Ngài. Chúa bèn hỏi Phi-líp: «Chúng ta sẽ mua bánh ở đâu để cho dân này có mà ăn?» Chúa hỏi câu ấy

không phải vì là vấn-đề Ngài khó giải-quyết, nhưng Ngài muốn thử đức-tin của Phi-líp. Đấng lễ Phi-líp trả lời rằng: «Lạy Chúa, việc đó không khó gì vì Chúa ở đây.» Nhưng Phi-líp đoán số dân-chúng mà đáp rằng: «Hai trăm đơ-ni-ê bánh không đủ phát cho mỗi người một ít.» Phi-líp không kể đến quyền-phép của Chúa. Lòng vô-tin hay ngờ đến sự khó-khăn và quên-bỏ Chúa. Có khi Chúa cho ta gặp sự thử-thách khó-khăn để thử cho biết đức-tin và tình yêu-thương thực hay giả. Anh chị có kể đến quyền-phép của Chúa hay là chỉ cậy vật-liệu của mình?

Câu hỏi.—Tại sao Chúa Jê-sus hỏi Phi-líp: «Mua bánh ở đâu để cho dân ăn?»

Đọc chung câu gốc rồi cầu-nguyện.

NGÀY THỨ BA, 2

Hát một bài rồi đọc Sứ-đồ 10: 24-48

Giải nghĩa Giăng 6: 8-10.—Lời đáp của Phi-líp không thể giải-quyết được vấn-đề khó-khăn ấy, nên ông Anh-rê cũng đản-đĩ ngờ ý-kiến, song cũng bất-toàn nốt. Ông ấy chỉ một cậu bé có năm cái bánh mạch-nha cùng hai con cá. Song chính ông Anh-rê cũng nghĩ rằng muốn dùng vật-liệu nhỏ-mọn ấy mà nuôi đoàn dân đông kia thật rất vô-lý. Họ bị mù bởi sự vô-tin tự-nhiên có trong lòng mọi người. Song Chúa Jê-sus can-thiệp mà phán rằng: «Hãy truyền cho chúng ngồi xuống.» Lúc ấy vào mùa xuân, cỏ mọc xanh-tươi. Có năm ngàn người nam binh-tịnh «an-nghỉ nơi đồng cỏ,» chưa kể người nữ cùng hải-nhi. Bức tranh ấy nhắc ta nhớ đồng cỏ xanh-tươi là nơi Chúa dẫn con-cái của Ngài đến (Thi 23: 2). Tuy các môn-đồ thiếu đức-tin và

nghe-ngờ Chúa, song Ngài cứ dự-bị ban-phát ân-tử của Ngài. Ôi, loài người rất cứng lòng, tư-kỷ, vô-tin! Nay tin Chúa, mai nghe Ngài. Nếu ta để Đấng Christ ngự trong lòng, thì mới sống bởi đức-tin được (Ga 2 : 20).

Câu hỏi.—Tại sao Phi-lip vô-tin? Lời đáp của ông tỏ ra điều gì?

Đọc chung câu gốc rồi cầu-nguyện.

NGÀY THỨ TƯ, 3

Hát một bài rồi đọc Sứ-dõ 11

Giải nghĩa Giảng 6 : 11.—Chúa Jêsus lấy bánh, tạ ơn rồi đưa cho môn-đồ để phân-phát cho dân-chúng. Trong lúc Chúa Jêsus tạ ơn mà giao các miếng bánh bẻ ra cho môn-đồ, thì phép lạ bắt đầu xảy ra và lương-thực ấy được tăng thêm. Đấng Tạo-Hóa đã ngự xuống giữa dân Ngài và dựng nên lương-thực cho họ dùng no-đủ. Xin chú-ý về cách Chúa cho người ta dự phần phép lạ này. Sự sanh-hóa là việc Chúa làm, còn sự phân-phát là phận-sự của người. Môn-đồ phải đến cùng Chúa Jêsus để nhận lương-thực mà phân-phát vì tự họ không có gì để nuôi dân-chúng đang đói. Tuyên-dân của Chúa là «ban cùng làm việc với Đức Chúa Trời» (1 Cô 3 : 9). Phải có chơn người đem đi cùng môi-miệng người rao-truyền Tin-Lành, thì kể hư-mất mới có dịp nghe và tin để được cứu. Song ta phải nhớ đến cùng Chúa để lãnh lương-thực thiêng-liêng, vì Tin-Lành vốn thuộc về Ngài.

Câu hỏi.—Chúa Jêsus lấy bánh và cá mà làm phép lạ nào?

Đọc chung câu gốc rồi cầu-nguyện.

NGÀY THỨ NĂM, 4

Hát một bài rồi đọc Sứ-dõ 12

Giải nghĩa Giảng 6 : 12-15.—Tư-liệu «được no-nê» tỏ ra thật có phép lạ ấy. Phỏng như muốn gát cho 5.000 người tin làm bụng mình no-đủ, thật là sự vô-lý và bất-năng. Vả lại, đã ăn no rồi họ còn lượm lại 12 giỏ, đó cũng chứng rằng có đồ-ăn thật dư-dật. «Hầu cho không mất chút nào» tỏ ra Chúa không ưa hoang-phí. Ta không nên hoang-phí lương-thực, thì-giờ, tài-cán, tiền-bạc. Hãy biết giữ-gìn và dùng mọi điều ấy để làm rạng danh Đức Chúa Trời. Cả dân-chúng thấy và nhìn-biết phép lạ ấy. Họ quả-quyết Chúa Jêsus là Đấng Tiên-tri mà Kinh-

Thánh đã dự-ngôn rằng sẽ đến. Họ muốn bắt ép Ngài làm Vua. Nhưng họ chỉ lo về nước đời này, chớ không lo về nước thiên-đàng. Nhưng ngày Chúa đội mão triều-thiên vinh-hiền chưa đến. Ngài phải chịu đau-đớn trên cây thập-tự trước khi được vinh-hiền (Lu 24 : 25-27).

Câu hỏi.—Có gì chứng phép lạ này là thực? Phép lạ này có ảnh-hưởng thế nào đến dư-luân dân-chúng?

Đọc chung câu gốc rồi cầu-nguyện.

NGÀY THỨ SÁU, 5

Hát một bài rồi đọc Sứ-dõ 13 : 1-23

Đại-ý bài học.—Phép lạ nuôi 5.000 người về cho ta bốn bức tranh thiêng-liêng: 1) Một đoàn đông rất thiếu-thốn. Hiện nay biết bao nhiêu người cũng đói-khát và thiếu-thốn lời giảng-day về ơn Đức Chúa Trời. 2) Sự vô-tin. Lạ thay, môn-đồ của Chúa thiếu đức-tin và tinh-thần phân-biệt. Phi-lip thất-lúng vì thấy đông người. Anh-rê nghĩ-vọng vì thấy vật-liệu ít-ôi. Chẳng ai kể đến tài-năng vô-hạn của Đấng Christ ngự ở giữa họ. 3) Vật-liệu hữu-hạn. Chỉ có năm ổ bánh và hai con cá để nuôi 5.000 người đói. Rõ-ràng ngoài Đấng Christ thì dân Chúa tuyệt-vọng đối với sự cần-yếu của dân-chúng. Chúng ta hãy nhớ cậy Chúa giúp sự yếu-duối của mình hầu cho Ngài có thể phó-bày quyền-năng vĩ-đại. 4) Quyền-phép của Đấng Toàn-năng. Trong tay Chúa Jêsus, bánh và cá hóa ra lương-thực dư-dật để nuôi dân-chúng. Bánh và cá cộng-hiệp với quyền-phép sanh-hóa của Đấng Toàn-năng, chẳng những chỉ đủ dùng cho 5.000 người, song đủ cho cả thế-gian nữa. Chúa hay dùng vật nhỏ-mọn, yếu-hèn, vô-giá-trị mà chúng ta linh-nguyện giao trong tay Ngài.

Câu hỏi.—Phép lạ hóa bánh và cá dạy-đỗ anh chị điều chi?

Đọc chung câu gốc rồi cầu-nguyện.

NGÀY THỨ BẢY, 6

Hát một bài rồi đọc Sứ-dõ 13 : 24-52

Thi-dụ về bài học

Có một bậc từ-thiện đưa cho ông mục-sư Rowland Hill một ngàn bạc để giúp-đỡ một ông truyền-đạo nghèo-túng. Song vì tưởng không nên gởi hết một lượt, nên ông Hill chỉ gởi mười đồng và kèm hai chữ: «Còn nữa.» Qua vài hôm ông truyền-đạo tiếp được mắng-da mười

đồng nữa cũng có câu: «Còn nữa.» Cứ như vậy mãi đến khi ông truyền-đạo được hết số tiền một ngàn. Cũng vậy, mọi ơn-phước của Đức Chúa Trời đều có lời hứa: «Còn nữa.» «Ta tha tội người nhưng 'còn nữa.'» «Ta xưng người là công-bình trong Đấng Christ, nhưng 'còn nữa.'» «Ta nhận người là con yêu-quí của ta, nhưng 'còn nữa.'» «Ta đương dạy-dỗ và dự-bị cho

người được hưởng thiên-đàng, nhưng 'còn nữa.'» «Ta ban cho người ơn-càng thêm ơn, nhưng 'còn nữa.'» «Ta giúp người đến tuổi-già, nhưng 'còn nữa.'» «Ta sẽ gìn-giữ người trong lúc chết; khi hồn người vào thế-giới tương-lai, thì ân-diên Ta sẽ cứ ở với người, lại vẫn cứ 'còn nữa.'»

Đọc chung câu gốc rồi cầu-nguyện.

Từ 7 Juillet đến 13 Juillet 1935

CHÚA JÉSUS TRONG NGÀY LỄ LÈU-TẠM

(Giăng 7: 37-52—đọc 7: 1-53)

CÂU GỐC:—Chẳng hề có người nào đã nói như người này

(Giăng 7: 46)

NGÀY CHÚA NHỰT, 7

Hát một bài rồi đọc Sứ-đồ 14

Lời mở-đang.—Trong đoạn này tác-giả chép về dư-luận và cảnh-tình dân-chúng tại Giê-ru-sa-lem đối với Đức Chúa Jê-sus. Phong-trào vô-tin đương nổi dậy đến nỗi dân sẽ bắt và giết Chúa Jê-sus. Dầu đã biết họ không tin nhưng ghen-ghét Ngài, song Chúa Jê-sus cứ cố-ý đến Giê-ru-sa-lem! Chính bà-con Ngài muốn biết rõ Ngài có thực là Đấng Mê-si hay không, nên họ khuyên Ngài đi Giê-ru-sa-lem. Có lẽ họ cũng nghĩ đến sự vinh-hiến mình sẽ được dự phần nếu Chúa được dân-chúng ở Giê-ru-sa-lem hoan-nginh và tuyên-bố Ngài là Vua Y-sơ-ra-ên. Song Chúa Jê-sus không chịu cho quyền-thế cảm-dỗ mình, nên vài hôm sau Ngài đi một mình lên Giê-ru-sa-lem dự lễ Lều-tạm. Nếu Ngài làm theo ý-muốn và lời khuyên của anh em, thì trái với cả chương-trình đời sống Ngài. Lễ Lều-tạm là một lễ mà cả nước hoan-hỉ cử-hành nhằm lúc cuối năm để tỏ lòng cảm tạ Chúa vì được mùa. Lễ ấy cốt nhắc-nhở họ rằng Đấng Chí-cao vẫn lo-liệu cho họ.

Câu hỏi.—Lễ Lều-tạm là gì?

Đọc chung câu gốc rồi cầu-nguyện.

NGÀY THỨ HAI, 8

Hát một bài rồi đọc Sứ-đồ 15: 1-21

Giải nghĩa Giăng 7: 37-39.—Ngày sau-cùng trong kỳ lễ là ngày trọng-thể nhất. Ngày đó có một đám rước, các thầy tế-lễ mặc áo trắng đi từ đền-thờ đến ao Si-lô-ê, múc nước vào một bình vàng; rồi họ đem bình nước ấy về đổ trên bàn-thờ. Lễ ấy làm hình-bóng về Đức Thánh-Linh được đổ ra. Trong khi các thầy tế-lễ

đứng cầm bình không, thì có một tiếng vang ra: «Nếu người nào khát, hãy đến cùng ta mà uống.» Câu 38 tỏ lời hứa của Đấng Christ: «Sông nước hằng sống chảy từ trong lòng mình.» Câu này tỏ ra cách nào linh-hồn khao-khát đến cùng Chúa thì chẳng những đã khát, song cũng cho người khác uống nữa. Chúa ngự trong họ thành ra một sông nước hằng sống. Sự «chảy» tỏ ra nguồn nước dư-dật chảy luôn, làm thỏa lòng vô-cùng. «Nước hằng sống» có tánh-chất thiên-thượng. Nước hằng sống là thi-dụ về các ân-tử và sự an-ủi của Đức Thánh-Linh, vì Ngài là căn-nguyên của sự sống thiêng-liêng. «Sông» chỉ về sự tự-do, sự dư-dật vô-tận, trái hẳn với cái bình vằng nhỏ mà thầy tế-lễ dùng làm lễ tưới nước.

Câu hỏi.—Chúa Jê-sus phán: «Sông nước hằng sống sẽ chảy từ trong lòng mình,» nghĩa là gì?

Đọc chung câu gốc rồi cầu-nguyện.

NGÀY THỨ BA, 9

Hát một bài rồi đọc Sứ-đồ 15: 22-41

Giải nghĩa Giăng 7: 40-44.—Trong năm câu này ta nghe lời biện-luận của dân-chúng. Có nhiều ý-kiến mâu-thuẫn về Đấng Christ. Người thì nói: «Ngài là tiền-khru của Đấng Mê-si;» kẻ khác nói: «Ấy là Đấng Christ,» tức là Đấng Mê-si, là Vua mà họ trông-mong. Còn người khác cãi: «Ngài không phải là Đấng Christ;» vì cứ theo chỗ họ biết, Ngài từ xứ Ga-li-lê mà đến. Họ biết Kinh-Thánh Cựu-Uớc đã chép: «Đấng Christ phải ra từ dòng-dõi vua Đa-vít, làng Bết-lê-lem.» Vậy, họ rất nóng-nảy cãi đi, cãi lại. Có kẻ muốn bắt Ngài, diện đến trước tòa

Công-luận, cáo Ngài là giả-mạo. «Nhưng không ai đặt tay trên mình Ngài,» cả đến bọn linh chiụ sai đi bắt Ngài cũng vậy, vì «giờ» của Ngài chưa đến. Sự biện-luận ấy giúp sự đồn ra lẽ thật vì khiến nhiều người phải lưu-tâm suy-nghĩ về Chúa Jê-sus và lời giảng-day của Ngài.

Câu hỏi.—Chúa Jê-sus làm ứng-nghiệm lời tiên-tri của Cựu-Ước về Đấng Mê-si thế nào?

Đọc chung câu gốc rồi cầu-nguyện.

NGÀY THỨ TƯ, 10

Hát một bài rồi đọc Sứ-dõ 16: 1-15

Giải nghĩa Giảng 7: 45-49.—Các thầy tế-lễ thượng-phẩm, các thầy tế-lễ cả và bọn Pha-ri-si đã nhóm-hợp để xử Đức Chúa Jê-sus, nhưng bọn linh phải về tay không. Khi linh về trình với hội-đồng tổ-chức xử Đức Chúa Jê-sus, thì họ hỏi: «Sao các người không điệu người đến?» Bọn linh chỉ đáp: «Chưa hề có ai nói như người này.» Phàm-giá Chúa Jê-sus, hạnh-phước của Tin-Lành và sự dạy-dỗ của Ngài đã bắt phục cả đến bọn linh, là kẻ không dám trái linh các quan trên. Chắc hội-đồng ấy cảm-giận lắm nên quở bọn linh: «Các người cũng đã bị phỉnh-dỗ sao?»—Kìa, chỉ có bọn dân ngu-muội trơ-thuận người. Các người sao quá điên-dại mà tưởng rằng bọn ấy biết về Đấng Mê-si hơn cả hạng thượng-lưu là chúng ta đây? Thật «chưa hề có ai nói như người này,» hoặc dạy chơn-lý qui-báu cách giản-dị cho mọi người được hiểu và thích-hiệp với sự cần-yếu của loài người.

Câu hỏi.—Vi có gì bọn linh không dám bắt Chúa Jê-sus?

Đọc chung câu gốc rồi cầu-nguyện.

NGÀY THỨ NĂM, 11

Hát một bài rồi đọc Sứ-dõ 16: 16-40

Giải nghĩa Giảng 7: 50-52.—Khúc này tỏ ra thế nào ông Ni-cô-đem nay đã có đức-tin lớn rồi. Ông phản-đối sự bất-nghĩa của cả hội-đồng: Chính họ đã trái-phạm luật-pháp của mình vì muốn khép tội Đức Chúa Jê-sus cách vô-lý (xem Phục 1: 16). Chúa phán-day rất chơn-thật cho nên Ngài bị các giáo-sư đồng-thời cảm-giận và ghen-ghét. Họ vin lấy Kinh-Thánh mà tỏ ra từ xứ Ga-li-lê không có tiên-tri nào hết, nghĩa là Đấng Mê-si không thể đến từ Ga-li-lê. Họ hòng lấy

cái bằng-cớ ấy mà phá đổ dư-luận của nhơn-dân muốn tin Đức Chúa Jê-sus là Đấng Mê-si. Chúa Jê-sus dùng cách nhơn-tử khôn-sáng mà đối-phò với kẻ nghịch mình. Thái-độ ấy khiến người ta càng tin Chúa. Kể chuyện này, ta thấy ai nấy đều trở về nhà mình. Đoạn 8: 1 chép về Đức Chúa Jê-sus đi một mình lên núi Ô-li-ve để giao-thông với Thiên-Phụ, ngõ hầu được sức thiêng-liêng mới để giúp ích và ban phước cho loài người.

Câu hỏi.—Có điều gì tỏ ra ông Ni-cô-đem đã thêm lòng tin Chúa Jê-sus?

Đọc chung câu gốc rồi cầu-nguyện.

NGÀY THỨ SÁU, 12

Hát một bài rồi đọc Sứ-dõ 17: 1-15

Đại-ý bài học.—Ở Giảng 7: 37-38 Đấng Christ tuyên-bố rằng: Ngài là đèn-thờ thật, Thành-Linh do Ngài ban cho, và Chúa ngự trong lòng tin-đồ làm nguồn của sự sống. Chúa Jê-sus đứng giữa thiên-hạ khao-khát mà kêu lớn tiếng rằng: «Ai muốn, hãy tự-do đến uống nước hằng sống.» Ta đã nghe tiếng ấy nhiều đến nỗi lỗ tai điếc và lương-tâm lì hay không? Phàm ai nghe và tin-nhận lẽ thật của Chúa, sẽ nhờ đó mà được cứu-rỗi linh-hồn. Chúa sẵn có sự sống dư-dật để ban cho chúng ta; nếu uống tại suối nào khác thì lại càng thêm khát. Ai tìm được Chúa thì tìm được trung-tâm, châu-diệp, và sự sống đời đời. Chúa có quyền ban cho dân-chúng sự sống đầy-đủ, trọn-vẹn, không bao giờ cạn, nhưng càng thêm lên và tràn ra để giúp-dỡ và ban phước cho người khác. Anh chị có khát không? Hãy vâng lời Chúa kêu-gọi, đem lòng thành-thực, tin-kính đến cùng Ngài, thì sẽ được sự sống dư-dật.

Câu hỏi.—Ta được sự sống thế nào?

Đọc chung câu gốc rồi cầu-nguyện.

NGÀY THỨ BẢY, 13

Hát một bài rồi đọc Sứ-dõ 17: 16-34

Thí-dụ về bài học

Giữa Đại-tây-dương có một chiếc tàu bị nạn sắp chìm. Các thủy-thủ thả một cái thuyền xuống, ai nấy sang thuyền. Vài giờ sau họ thấy xa xa có một chiếc tàu, nhưng họ làm thế nào ra hiệu cho tàu ấy thấy được? Họ tìm-tòi trong thuyền, thấy một cái đèn báo eũ, chỉ còn một chút dầu và chút bắc (tim) mà thôi; rồi họ tìm mãi mới thấy một cây diêm. Hết thấy

thủy-thủ đứng xung-quanh, banh áo ra ngăn gió để chủ tàu đánh diêm cho khởi tất. Họ lo-sợ nhìn nhau. Khi sau chủ tàu nói rằng: «Tôi đã gặp lắm phen nguy-hiểm, nhưng khi đánh que diêm để thắp cái đèn là lần nguy nhất.» May thay, ông thắp được cái đèn! Họ vung-vàng

đèn ấy làm dấu-hiệu cho tàu kia thấy mà đến cứu-vớt. Tại sao diêm ấy rất quan-hệ? Vì chỉ có nó chứa sự sáng. Đời sống của anh em cũng như vậy; nếu đi sai mà tắt đèn thì không còn phương-pháp nào chữa sự sai-lầm ấy được.

Đọc chung câu gốc rồi cầu-nguyện.

Từ 14 đến 20 Juillet 1935

LÀM TÔI-MỌI TỘI-LỖI

(Giăng 8 : 31-40—đọc 8 : 1-59)

CÂU GỐC:—Ai phạm tội-lỗi là tôi-mọi của tội-lỗi

(Giăng 8 : 34)

NGÀY CHỨA-NHỰT, 14

Hát một bài rồi đọc Sứ-đồ 18

Lời mở dâng (Giăng 8 : 1-30).—Trong đoạn tám này chúng ta thấy Đức Chúa Jê-sus cứ thi-hành chức-vụ giữa vòng dân Do-thái. Sau ngày lễ Lều-tạm, Chúa Jê-sus lại đến đền-thờ mà dạy-đỗ. Muốn bắt-bẻ Chúa, bọn Pha-ri-si đem đến trước mặt Ngài một người đờn-bà bị bắt quã-tang phạm tội tà-dâm mà hỏi Chúa xử với người đờn-bà này thế nào. Nếu Chúa bảo đừng ném đá bà, thì Ngài há phải là Đấng Mê-si sao? Còn nếu Ngài bảo phải ném đá, thì Ngài trái luật-pháp chánh-phủ La-mã vốn bảo rằng không có phép hành-bình như thế, và cũng không cho dân Do-thái xử-tử ai. Trong trường-hợp này Chúa đáp một cách làm cho bọn Pha-ri-si phải ngậm miệng và lui gót. Rồi Ngài bảo bà ấy đi và đừng phạm tội nữa. Chúa làm cho nhơn-dân biết tội-lỗi của họ và tự đoán-xét lấy. Tuy Chúa phải xử-đoán tội-lỗi, song vì cảm thương tội-nhơn, nên Ngài lập ra phương tha-thứ. Chúng ta cũng nên ghét tội-lỗi và yêu tội-nhơn.

Câu hỏi.—Đấng Christ có thái-độ nào đối với tội-lỗi và tội-nhơn? Thái-độ ta thế nào?

Đọc chung câu gốc rồi cầu-nguyện.

NGÀY THỨ HAI, 15

Hát một bài rồi đọc Sứ-đồ 19 : 1-20

Giải nghĩa Giăng 8 : 31-32.—Đây tỏ ra cách thi-nghiệm tin-đồ. «Tin-đồ» là kẻ nhận người khác làm chủ và thầy, chịu sự dạy-đỗ và noi theo gương của người. Cứ vâng lời Chúa, đó là bằng-cớ tội với chứng rằng mình thật làm môn-đồ Ngài. Phạm ai được Chúa cứu và được làm môn-đồ của Ngài, tất-nhiên muốn cứ ở trong lời Chúa. Điều cần-thiết không phải là

miệng người ta tự xưng là tin-đồ, nhưng là cách đối-đãi lời Chúa. Nhiều người tự xưng là tin-đồ song không phải đâu (I Gi. 2 : 19). «Lẽ thật» gồm-tóm mọi điều do Đức Chúa Trời mặc-thị, tức là Kinh-Thánh. Biết Đấng Christ thì biết lẽ thật, vì Ngài là lẽ thật. Chúa Jê-sus là Ngôi-Lời chơn-thật buông-tha chúng ta khỏi ách nô-lệ của tội-lỗi. Chơn-lý ban sự tự-do thiêng-liêng, cứu khỏi sự trôi-buộc và hình-phạt của tội-lỗi, khỏi sự tối-làm, sự chết thiêng-liêng và quyền ghê-gớm của ma-quỉ (Eph. 4 : 18 và II Cô 4 : 4).

Câu hỏi.—Phương-pháp thi-nghiệm tin-đồ là gì? Chúa Jê-sus dạy điều gì về lẽ thật?

Đọc chung câu gốc rồi cầu-nguyện.

NGÀY THỨ BA, 16

Hát một bài rồi đọc Sứ-đồ 19 : 21-41

Giải nghĩa Giăng 8 : 33-34.—Dân Do-thái không hiểu sự tự-do theo ý Chúa phán, họ chỉ nghĩ đến sự tự-do về mặt chánh-trị mà thôi. Nhưng Chúa Jê-sus phán-dạy về sự tự-do thoát khỏi tội-lỗi, là sự đã bắt-buộc loài người làm tôi-mọi từ xưa. Khi Chúa Jê-sus phán: «Ai phạm tội-lỗi là tôi-mọi của tội-lỗi,» thì Ngài nói ngay cho người Do-thái biết rằng chính họ cũng ở vào số đó, mặc dầu thuộc về dòng-đôi Áp-ra-ham. Người ta tự-nhiên có tánh hư-hoại, hướng về tội-lỗi, làm tôi-mọi của tội-lỗi, và chỉ biết phạm tội mà thôi. Nhưng tin-đồ Đấng Christ khác hẳn, quyền-phép tội-lỗi vốn cai-trị họ đã bị bãi-bỏ đến nỗi họ không quen phạm tội nữa. Dầu có khi lâm-lỡ sa-ngã vào tội, nhưng họ đến cùng Chúa ngay, xưng tội và được Chúa tha-thứ, rửa sạch. Đức Thánh-Linh ngự trong tin-đồ, cứu họ khỏi quyền cai-trị của tội-lỗi. Người thẳng tội-lỗi là người được tánh mới do

sự sống vĩnh-viễn của Đấng Christ mà ra.

Câu hỏi.—Chúa Jêsus dạy thế nào về sự tội-mọi và sự tự-do thật?

Đọc chung câu gốc rồi cầu-nguyện.

NGÀY THỨ TƯ, 17

Hát một bài rồi đọc Sứ-đồ 20 : 1-16

Giải nghĩa Giăng 8 : 35-36.—Đấy Chúa tỏ ra một nguyên-tắc ai nấy đều biết, tức là tội-mọi không phải ở mãi trong nhà. Chúa dùng nguyên-tắc ấy để tỏ ra địa-vị của kẻ nghe Ngài giảng-dạy. Dân Do-thái cổ khoe mình là dòng-dõi Áp-ra-ham, song Chúa phán : Không thể vin cơ làm con-cháu xác-thịt của Áp-ra-ham mà chiếm được cái hạnh-phước dành riêng cho con-cháu thiêng-liêng. Đang khi họ còn làm tội-mọi của tội-lỗi thì không được hưởng cơ-nghiệp ấy. «Mà con thì ở đó luôn.» Chắc câu này trước hết chỉ về Chúa Jêsus là Con của Đức Chúa Trời, song cũng có thể chỉ về mỗi người như Ngài mà làm con-cái của Chúa. Hễ ai nhận Đấng Christ làm Cứu-Chúa thì được cứu khỏi địa-vị tội-mọi và được nhận Thần-linh mà làm con-cái tự-do. Trong câu 36 Chúa nói rõ hơn về sự tự-do thật. Nhon vì Con không phải là tội-mọi, song thuộc về gia-quyển của Cha, nên Con ấy có quyền giải-cứu loài người khỏi án-phạt và kết-quả kinh-khối của tội-lỗi. Dny người được Con Đức Chúa Trời buông-tha mới thật là người tự-do (Rô 6 : 14-18).

Câu hỏi.—Con của Đức Chúa Trời ban sự tự-do thế nào?

Đọc chung câu gốc rồi cầu-nguyện.

NGÀY THỨ NĂM, 18

Hát một bài rồi đọc Sứ-đồ 20 : 17-38

Giải nghĩa Giăng 8 : 37-40.—Tuy dân Do-thái là hậu-tự của Áp-ra-ham, song không phải là con-cháu và kẻ-tự thật, vì họ không giống Áp-ra-ham và cũng không có tinh-thần của tổ-phụ. Nếu không kết-tự tánh-nết thì sao kẻ-tự được lời hứa và cơ-nghiệp của ông? Chúa tỏ ra dân Do-thái không tin là vì mắc bịnh mù thiêng-liêng. Họ không hiểu-biết Chúa vì lòng không khao-khát lẽ thật và sự công-bình. Dân Do-thái chối-bỏ Chúa Jêsus vì mắc phải một địa-vị xấu-xa, tức là họ làm con-cái của ma-quỉ (câu 42-44). Họ bị mù không thấy lẽ thật minh-chứng rằng họ có tương-quan với quỉ dữ và làm con-cái của nó, là kẻ đã nói dối và giết người từ

lúc ban đầu. Họ mắc phải ảnh-hưởng của tội-lỗi đến nỗi không thể tra-qui hoặc mong-mỏi được sự tự-do. Chơn-lý mà Đấng Christ phơi-bày có quyền buông-tha khỏi tội. «Các người sẽ biết lẽ thật và lẽ thật sẽ buông-tha các người.»

Câu hỏi.—Tại sao dân Do-thái không tin Chúa?

Đọc chung câu gốc rồi cầu-nguyện.

NGÀY THỨ SÁU, 19

Hát một bài rồi đọc Sứ-đồ 21 : 1-14

Đại-ý bài học.—Mọi phước thiêng-liêng gồm-chứa trong Đức Chúa Jêsus-Christ. Trong đoạn 8 này ta thấy : 1) Ngài tự tuyên-bố là sự sáng của thế-gian (câu 12); 2) Ngài nói rằng Đức Chúa Cha hằng ở với Ngài (câu 16); 3) Ngài tự xưng là Đấng tỏ ra Đức Chúa Cha (câu 19); 4) Ngài tự xưng mình đến từ trời (câu 23); 5) Ngài tự xưng là được Cha sai đến (câu 26); 6) Ngài tự xưng là tôn-vinh Cha và hằng làm đẹp lòng Cha (câu 29); 7) Ngài hứa rằng người nào giữ lời Ngài thì chẳng bao giờ chết (câu 51); 8) Ngài nói rằng Đức Chúa Cha tôn-vinh Ngài (câu 54); 9) Ngài tự xưng là Đức Chúa Trời hằng-hữu—«đã có Ta» (câu 58). Nếu chỉ tin Chúa Jêsus là Thánh-nhơn và Giáo-sư, chớ không tin Ngài là Đức Thượng-Đế, thì bị hư-mất đời đời. Hễ tin Đức Chúa Jêsus là Trời thành Người, chịu chết thay ta rồi sống lại, thì mới được cứu khỏi tội, và hưởng sự sống vĩnh-viễn.

Câu hỏi.—Ta phải có tin-ngưỡng thế nào để được cứu-rỗi?

Đọc chung câu gốc rồi cầu-nguyện.

NGÀY THỨ BẢY, 20

Hát một bài rồi đọc Sứ-đồ 21 : 15-40

Thí-dụ về bài học

Một bạo-chúa sai đòi một người dân đến hỏi : «Người làm nghề gì?» Người đáp : «Tâu vua, tôi làm thợ rèn.»—«Hãy về nhà, làm một xiềng sắt dài mười thước.» Anh ta về nhà làm mà không có tiền công gì. Làm xong rồi đem đến cung vua, thì vua bảo : «Hãy về, làm dài gấp đôi.» Lần thứ hai mang đến thì vua lại bảo : «Đi về làm dài hơn.» Năm sáu lần như vậy mà vua cứ bảo làm dài hơn. Lần chót bạo-chúa nhạo-cười, bảo đây-tờ rằng : «Hãy lấy xiềng chính tay nó làm, trói nó mà quăng vào lò lửa.» Đó là phần thưởng công-khố của người thợ.

Mỗi một tội người ta phạm chính là một vòng của cái xích dài suốt đời mình; mà quỉ là bạo-chúa sẽ dùng xích ấy trói

họ mà quăng vào hồ lửa. «Vi tiền công của tội-lỗi là sự chết.»

Đọc chung câu gốc rồi cầu-nguyện.

Từ 21 đến 27 Juillet 1935

CHÚA JÊSUS CHỮA NGƯỜI MÙ ĐƯỢC SÁNG

(Giăng 9: 1-13, 30-38)

CÂU GỐC:—Ta là sự sáng của thế-gian; người nào theo ta chẳng đi trong nơi tối-tâm, nhưng có ánh sáng của sự sống.

(Giăng 8: 12)

NGÀY CHỮA-NHỨT, 21

Hát một bài rồi đọc Sứ-đồ 22

Giải nghĩa Giăng 9: 1-4.—Đương khi Chúa Jêsus «đi qua» thì phép lạ này xảy ra. «Đức Chúa Jêsus thấy người mù.» Người mù từ khi sanh ra và phải ăn-mày. Người mù không thể thấy Chúa, cũng không xin Chúa cứu-giúp. Suốt đời ông chẳng thấy một tia sáng nào, thật đáng thương! Câu hỏi của các môn-đồ tỏ ra lúc đó nhơn-dân tin rằng tội-lỗi của mình hoặc của tổ phụ là nguyên-nhơn mọi tật-nguyên, đau-dớn, hoạn-nạn. Lời Chúa đáp chẳng phản-đối với câu Kinh-Thánh: «Mọi người đều đã phạm tội,» cũng không có ý nói sự hình-phạt tội-lỗi của cha mẹ không bao giờ truyền lại cho con-cái. Song Chúa tỏ cho môn-đồ biết tật-nguyên này có nguyên-nhơn khác (câu 3). Đức Chúa Trời vẫn biết và cố-y để người đó bị mù hầu cho tỏ ra sự thương-xót, quyền-phép và vinh-hiền của Ngài. Chúa Jê-sus chữa người mù này là một «công-việc» mà Đức Chúa Cha đã sai Ngài đến làm.

Câu hỏi.—Chúa Jêsus tỏ ra người này mù vì cớ nào?

Đọc chung câu gốc rồi cầu-nguyện.

NGÀY THỨ HAI, 22

Hát một bài rồi đọc Sứ-đồ 23: 1-11

Giải nghĩa Giăng 9: 5-7.—Chúa biết kỹ định cho Ngài lia-bỏ thế-gian sắp đến, nhưng đang khi còn ở thế-gian, Ngài là sự sáng của thế-gian. Dầu tội-nhơn ghen-ghét sự sáng, song sự sáng cứ soi mãi. Vậy, Chúa khởi-sự chữa cho người mù. «Bùn» chỉ về loài người được dựng nên bằng bụi đất. «Nước miếng» chỉ về Đấng Christ khiêm-nhường và bị sỉ-nhục khi Ngài thành Người và chịu chết. Người mù làm dấu-hiệu về sự dui-mù thiêng-liêng của dân Y-sơ-ra-ên. «Hãy đi, rửa nơi nao Si-lô-ê!» Đó là cách Chúa thí-nghiệm đức-tin và lòng vâng-phục của

người, chớ nước trong ao ấy không có công-hiệu gì để chữa bệnh mù. Cái năng-lực chữa bệnh là ở lời phán của Chúa. Người mù không ngại-ngùng gì, nhưng đi tức-khắc; khi trở lại thì được thấy rõ. Biết bao nhiêu sanh-linh vấp-ngã vì điều-kiện đơn-sơ của sự cứu-rỗi, nhưng hễ ai tin và vâng theo thì được cứu.

Câu hỏi.—Đối với thế-gian, Chúa Jêsus là gì? Chúa đòi điều-kiện gì cho người mù được thấy?

Đọc chung câu gốc rồi cầu-nguyện.

NGÀY THỨ BA, 23

Hát một bài rồi đọc Sứ-đồ 23: 12-35

Giải nghĩa Giăng 9: 8-13.—Người mù được sáng bên trở về nhà. Kể lần-cận tỏ-mô hội-huan ông về sự cứu-chữa, thiết tưởng cả bộ mặt lẫn dáng-diệu của ông cũng thay-đổi hẳn, đến nỗi họ tưởng không phải chính người nọ trước đó. Song ông nói quả-quyết rằng mình thực là người trước đã mù và ăn-mày. Họ hỏi: «Tại sao mắt người đã mở được?» Ông bèn thành-thực thuật lại mình-bạch sự cứu-chữa mắt mình. Vậy, họ đem ông đến trình người Pha-ri-si. Vả, hội-đồng của phái Pha-ri-si rất có thế-lực trong dân Do-thái. Hội-đồng tra-hỏi ông thì ông có dịp-liện làm chứng. Ông trả lời ngay-thẳng và đanh-dĩ. Có nhiều điều ông không biết, thậm-chi không biết Jêsus là ai, nhưng ông rất thạo điều này: «Tôi đã mù mà bây giờ lại sáng.» Đó là chỗ cốt-yếu trong sự làm chứng cho Chúa.

Câu hỏi.—Người lân-cận tỏ thái-độ nào đối với phép lạ chữa người mù này?

Đọc chung câu gốc rồi cầu-nguyện.

NGÀY THỨ TƯ, 24

Hát một bài rồi đọc Sứ-đồ 24

Giải nghĩa Giăng 9: 30-34.—Người được chữa ngạc-nhiên vì phe Pha-ri-si không biết Chúa Jêsus và cũng không biết bởi đâu Ngài làm được phép lạ như thế. Sau

ông ngỡ ý-kiến rằng: «Nếu Jêsus là tội-nhơn, chắc không được quyền mở mắt người mù.» Ông biết rằng Đức Chúa Trời không dùng tội-nhơn làm phép lạ, nhưng chỉ dùng người nào thờ-phượng và vâng-phục ý-chỉ Ngài. Ông quả-quyết rằng chẳng hề có phép lạ lớn như mở mắt người mù từ lúc sơ-sanh. Ông kết-luận rằng người đã chữa mình chắc đến từ Đức Chúa Trời. Nghe lời biện-luận hữu-lý của người này, phe Pha-ri-si phải ngậm miệng nín-lặng. Họ phải tin-nhận hoặc chối-bỏ lời chứng ấy. Nếu tin-nhận thì phải tin Chúa Jêsus là Đấng Mê-si. Họ quyết-định không làm điều ấy nên ngậm-dọa mắng-nhiếc người rằng: «Cả mình người sanh ra trong tội-lỗi...» Rồi họ đuổi ông ra ngoài đền-thờ, tức là dứt phép thông-công.

Câu hỏi.—Ai làm «sàng-kết» về phép lạ cứu-chữa người mù? Các quan đối với lời chứng của người thế nào?

Đọc chung câu gốc rồi cầu-nguyện.

NGÀY THỨ NĂM, 25

Hát một bài rồi đọc Sứ-dõ 25

Giải nghĩa Giảng 9: 35-38.—Khi ông đã bị mắng-nhiếc và đuổi ra, thì Chúa tìm ông và cho ông hiểu-biết cùng giao-thông với Con Đức Chúa Trời. Chúa hỏi: «Người có tin đến Con Đức Chúa Trời chăng?» Ông trả lời và tỏ lòng muốn tin tuy chưa biết Chúa Jêsus là ai. Người nào thật lòng khao-khát sự công-bình và tìm-kiếm nước thiên-dàng thì rất muốn biết Con của Đức Chúa Trời như ông này vậy. Ông thực chưa biết Chúa Jêsus, nhưng muốn biết Ngài. Đối với người khốn-nạn này và người đơn-bà Sa-ma-ri bị khinh-bí, thì Chúa Jêsus phổ-bày bôn-tánh và chức-vụ cao-thượng của Ngài. Nhiều khi người nghèo-khó, hèn-hạ, cô-đơn lại được Chúa bày-tỏ lòng nhơn-ái của Ngài một cách đặc-biệt. Khi Chúa Jêsus tự xưng là con của Đức Chúa Trời, thì ông này bày-tỏ lòng tin Ngài bởi sắp mình xuống thờ-hy Ngài.

Câu hỏi.—Chúa tìm người bị phe Pha-ri-si đuổi ra ngoài đền-thờ thì eo-kết-quả thế nào?

Đọc chung câu gốc rồi cầu-nguyện.

NGÀY THỨ SÁU, 26

Hát một bài rồi đọc Sứ-dõ 26

Đại-ý bài học.—Phép lạ này tỏ-về một

linh-hồn từ sự tối-tâm đến cùng sự sáng thê nào. Người mù làm hình-bóng về tội-nhơn bị đuổi-mù từ khi sanh ra; ngoài ra ân-diên và quyền-phép của Chúa, thì không có phương-thế nào cứu-chữa được. Người này không tìm-kiếm Chúa, bầu-bau cũng không tìm họ, song chính Chúa tự phổ-bày ân-diên và quyền-phép thiên-thượng cho người biết. Khi chữa bình, Chúa muốn dùng vật-liệu hay không tùy ý. Chỗ này Ngài dùng bùn và nước miếng. Trong sự chữa bình này cũng có hai điều cốt-yếu: 1) Lời phán «Hãy đi, rửa;» 2) Thánh-linh do nước trong ao làm hình-bóng. Bùn và nước kêu-gọi đức-tin, làm cho người mù chú-ý về phép lạ, khiến tâm-tri người suy-nghĩ về Chúa và linh-hồn người linh-thức. Ông chữa-chơn hy-vọng, nên đi rửa mắt và thấy được. Ông được chữa vì vâng-phục mạng-linh của Chúa Jêsus. Linh-hồn đui-mù của nhơn-loại sẽ thấy nếu chịu vâng phục mạng-linh của Ngài bảo rằng: «Hãy nhìn-xem Ta và sống.»

Câu hỏi.—Khi chữa người mù, Chúa Jêsus tự tỏ mình thế nào?

Đọc chung câu gốc rồi cầu-nguyện.

NGÀY THỨ BẢY, 27

Hát một bài rồi đọc Sứ-dõ 27: 1-25

Thí-dụ về bài học

Con gái một nhà họa-sĩ Pháp bị mù từ lúc thơ-ấu, không ai chữa được. Song nghe nói có danh-y chuyên-môn chữa mắt ở Paris, ông bèn dắt con đến đó nhờ lương-y mở mắt cho con. Mở xong thì cô thấy được rõ-ràng. Thân-mẫu cô đã qua đời, và từ lúc thơ-ấu cô chỉ có thân-phụ làm bạn-hữu. Cô chỉ trông-mong thấy mặt cha mình. Mở xong, họ mở vải băng ra, thì cô vội chạy đến ông cha, mừng cuồng mà nhìn mặt ông; tình-thoảng cô nhắm mắt, rờ tay lên mặt ông dường như muốn nhờ đó mà biết chắc là thân-phụ của mình. Ông có vẻ mặt sang-trọng, từ-bĩ, và cô con gái thỏa-thích vì được thấy mỗi hành-vi cử-chỉ của ông. Bấy-giờ cô mới cảm-biết trọn-vẹn sự nhơn-từ vô-hạn của cha. Khi ông xoa đầu hay ngó cô cách nhơn-từ thì mắt cô sa lụy. Cô cảm tay ông sẽ nói: «À, đã bao nhiêu năm tôi có cha hiền-lành đây mà thực chưa quen-biết trông-tân!»

Đọc chung câu gốc rồi cầu-nguyện.